

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

**TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG
TNHH MTV**



Tổ chức bán đấu giá:

Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở chính: 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3 821 7713 Fax: (84-8) 3 821 7452

Tổ chức phát hành:

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV

Địa chỉ: A128 đường 3-2, KP Đông Tư, P. Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Bình Dương

Điện thoại: 0274. 3755243 - 3755039 – 3755342 Fax: 0274. 3755040

Tổ chức tư vấn:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt

Trụ sở chính: Tháp tài chính Bitexco, lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 3914 3588 Fax: (84-8) 3914 3209

TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG TNHH MTV

(Giấy ĐKKD số 3700148166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Dương cấp lần đầu ngày 15/11/2010 và thay đổi đăng ký lần thứ 02 ngày 27/5/2015)

CHÀO BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phần	:	Cổ phần Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phần
Giá khởi điểm	:	12.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng cổ phần chào bán ra bên ngoài theo hình thức đấu giá	:	30.000.000 cổ phần
Đặt cọc	:	10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua theo giá khởi điểm
Đối tượng tham gia	:	Các tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV
Tổ chức bán đấu giá cổ phần	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
Thời gian tổ chức đấu giá	:	Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV
Địa điểm tổ chức đấu giá	:	Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP.HCM

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



MỤC LỤC

PHẦN I: CƠ SỞ PHÁP LÝ	3
PHẦN II: CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐÁU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU	5
1. Tổ chức chào bán	5
2. Tổ chức thực hiện đấu giá cổ phần	5
3. Tổ chức tư vấn	5
PHẦN III: CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT	6
PHẦN IV: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA	7
1. Giới thiệu về Công ty	7
1.1. Ngành nghề kinh doanh	7
1.2. Quá trình hình thành và phát triển	10
1.2.1. Giai đoạn 1982 - 2002	10
1.2.2. Giai đoạn 2003 - 2015	11
1.3. Các thành tựu đã đạt được trong quá trình hoạt động của Tổng Công ty	12
1.4. Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương:	12
1.5. Người lao động	13
1.6. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa	13
1.7. Thực trạng về đất đai đang sử dụng tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp:	16
1.8. Chủ sở hữu, danh sách các công ty con và công ty liên kết của tổ chức phát hành	19
1.8.1. Chủ sở hữu của tổ chức phát hành:	19
1.8.2. Danh sách các công ty con của tổ chức phát hành tại thời điểm 31/12/2015:	19
1.8.3. Danh sách các công ty liên kết của tổ chức phát hành tại thời điểm 31/12/2015:	22
2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trước khi cổ phần hóa	25
3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi cổ phần hóa	27
3.1. Các chỉ tiêu tài chính và kết quả kinh doanh thể hiện qua các năm	27
3.2. Đánh giá về tình hình hoạt động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trước cổ phần hóa	28
3.2.1. Đánh giá chung	28
3.2.2. Đánh giá về một số nhân tố làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty	28
3.3. Phân tích vị thế của Tổng Công ty	30
3.3.1. Nhóm ngành dịch vụ:	30
3.3.1.1. Dịch vụ sân gôn:	30
3.3.1.2. Dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe	31
3.3.1.3. Dịch vụ logistic	32
3.3.1.4. Dịch vụ cho thuê hạ tầng khu công nghiệp	32
3.3.2. Nhóm ngành sản xuất	33

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



3.3.2.1. Ngành chế biến gỗ	33
3.3.2.2. Ngành may mặc	34
3.3.2.3. Ngành sản xuất và chế biến sữa	35
3.3.2.4. Ngành sản xuất giấy	35
PHẦN V: THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA	36
1. Giới thiệu về doanh nghiệp sau cổ phần hóa	36
1.1. Thông tin chung về doanh nghiệp sau cổ phần hóa	36
1.2. Hình thức pháp lý	36
1.3. Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau cổ phần hóa	36
1.4. Cơ cấu tổ chức điều hành doanh nghiệp	36
2. Các dự án đầu tư sau cổ phần hóa	37
3. Kế hoạch kinh doanh hợp nhất sau cổ phần hóa:	38
4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ	40
4.1. Vốn điều lệ	40
4.2. Cơ cấu vốn điều lệ	40
4.3. Loại cổ phần	41
PHẦN VI: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	41
1. Phương thức chào bán cổ phần	41
1.1. Đối với người lao động	41
1.1.1. Đối tượng người lao động được mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc tại khu vực Nhà nước:	41
1.1.2. Đối tượng người lao động được mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần	42
1.2. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược:	42
1.3. Đối với nhà đầu tư tham dự đấu giá:	43
2. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá	43
2.1. Kế hoạch quản lý, sử dụng tiền thu từ đợt bán cổ phần	43
3. Phân tích rủi ro dự kiến	44
3.1. Rủi ro về kinh tế	44
3.2. Rủi ro về luật pháp	44
3.3. Rủi ro đặc thù	44
3.4. Rủi ro đợt chào bán	45
3.5. Rủi ro khác	45
PHẦN VII: KẾT LUẬN	45
PHẦN VIII: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	46



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

PHẦN I: CƠ SỞ PHÁP LÝ

Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần (Nghị định 59);

Nghị định 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59 (Nghị định 189);

Nghị định 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần (Nghị định 116);

Văn bản số 02/VBHN-BTC ngày 12/01/2016 của Bộ Tài chính về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;

Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 Quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu có hiệu lực kể từ ngày 15/09/2015 (Nghị định 63)

Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp Nhà nước (Quyết định 37);

Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động – Thương Binh và Xã Hội về việc Hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần (Thông tư 33);

Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần (Thông tư 127);

Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần (Thông tư 196);

Công văn số 2444/TTg-ĐMDN ngày 05/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND tỉnh Bình Dương;

Quyết định số 3332/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND tỉnh Bình Dương về việc cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương;

Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương;

Quyết định số 157/QĐ-BCĐ CPH ngày 05/02/2016 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa về việc thành lập Tổ giúp việc cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương;

Quyết định số 3027/QĐ-UBND Bình Dương ngày 31/10/2017 về việc phê duyệt phương án sử dụng đất khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương;



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 17/07/2017 về việc phê duyệt tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, phương thức bán và số lượng cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương;

Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015 ngày 17/11/2017 do Công ty Cổ phần tư vấn và thẩm định giá Đông Nam lập;

Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh Bình Dương về việc công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương;

Thông báo số 380/TB-TU ngày 21/12/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Bình Dương về việc kết luận và chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV;

Quyết định số 3706/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương;

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương tháng 04 năm 2015;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700148166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 15/11/2010, thay đổi lần thứ 2 ngày 27/05/2015;

Báo cáo tài chính Tổng Công ty Sản xuất-Xuất nhập khẩu Bình Dương đã kiểm toán trong các năm 2013, 2014 và 2015.



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

PHẦN II: CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐÁU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

1. Tổ chức chào bán

TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG TNHH MTV

Trụ sở chính : A128 đường 3-2, KP Đông Tư, P. Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Bình Dương, VN.

Điện thoại : 0274. 3755243 - 3755039 – 3755342 Fax: 0274. 3755040

Website : www.protrade.com.vn

2. Tổ chức thực hiện đấu giá cổ phần

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : Số 16 đường Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : (84-8) 3821 7713 Fax: (84-8) 3821 7452

Website : www.hsx.vn

3. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Trụ sở chính : Tháp tài chính Bitexco, lầu 15, số 2 đường Hải Triều, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại : (84-8) 3914 3588 Fax: (84-8) 3914 3209

Website : www.vcsc.com.vn

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



PHẦN III: CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

Cổ phiếu	Cổ phiếu của Tổng Công Ty Sản Xuất - Xuất Nhập Khẩu Bình Dương
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
MTV	Một thành viên
UBND	Ủy ban nhân dân
Sở GDCK TPHCM	Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
CPH	Cổ phần hóa
BCTC	Báo cáo tài chính
Protrade	Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương
Tổng Công ty	Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CTCP	Công ty cổ phần
TTHC	Trung tâm hành chính
n/a	không áp dụng

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



PHẦN IV: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

1. Giới thiệu về Công ty

Thông tin cơ bản:

- Tên Công ty : **TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG TNHH MTV**
- Tên tiếng Anh : **BINH DUONG PRODUCING AND TRADING GOODS CORPORATION**
- Tên viết tắt : **Protrade**
- Trụ sở chính : **A128 đường 3-2, KP Đông Tư, P. Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Bình Dương, VN.**
- Điện thoại : **0274. 3755243 - 3755039 – 3755342**
- Fax : **0274. 3755040**
- Mã số thuế : **3700148166**
- Email : **protradecorp@hcm.vnn.vn**
- Logo :



1.1. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700148166 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 11 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 05 năm 2015, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty như sau:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118 (chính)
2.	Trồng cây ăn quả	0121
3.	Trồng cây điều	0123
4.	Trồng cây hồ tiêu	0124
5.	Trồng cây cao su	0125
6.	Trồng cây cà phê	0126
7.	Trồng cây chè	0127
8.	Trồng cây lâu năm khác	0129
9.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
10.	Chăn nuôi trâu, bò	0141

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



TT	Tên ngành	Mã ngành
11.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
12.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
13.	Chăn nuôi lợn	0145
14.	Chăn nuôi gia cầm	0146
15.	Chăn nuôi khác	0149
16.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
17.	Khai thác gỗ	0221
18.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
19.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
20.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
21.	Sản xuất giống thủy sản	0323
22.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
23.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
24.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
25.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
26.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
27.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
28.	May trang phục (trừ trang phục da lông thú)	1410
29.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
30.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
31.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
32.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
33.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
34.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
35.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
36.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
37.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
38.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
39.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



TT	Tên ngành	Mã ngành
40.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
41.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
42.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
43.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
44.	Cất tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
45.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
46.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
47.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
48.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim	2591
49.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
50.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
51.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
52.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
53.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá	3530
54.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
55.	Xây dựng nhà các loại	4100
56.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
57.	Xây dựng công trình công ích	4220
58.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
59.	Phá dỡ	4311
60.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
61.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
62.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322
63.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
64.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
65.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
66.	Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
67.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
68.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

TT	Tên ngành	Mã ngành
69.	Bán lẻ hàng hóa khác, mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
70.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
71.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
72.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
73.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
74.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
75.	Cho thuê xe có động cơ	7710
76.	Quảng cáo	7310
77.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
78.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
79.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
80.	Hoạt động thể thao khác	9319
81.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (trừ hoạt động bến thủy nội địa)	5022
82.	Công ty phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

1.2.1. Giai đoạn 1982 - 2002

- Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương, tiền thân là Xí nghiệp sản xuất hàng cao su 3-2 Sông Bé, được thành lập theo Quyết định số 06/QĐ-TU ngày 20/10/1982 của Tỉnh ủy Sông Bé. Xí nghiệp ra đời theo chủ trương của Đảng nhằm đóng góp cho ngân sách Đảng bộ địa phương. Dựa vào thế mạnh về tài nguyên của tỉnh là cao su và bột đất cao lanh – nguyên liệu chính để sản xuất dệp xốp cao su đi biển, Xí nghiệp đã chọn làm sản phẩm chủ lực để xuất khẩu sang thị trường Liên Xô và các nước XHCN.
- CBCNV của Xí nghiệp đầu tiên chỉ 10 người được điều chuyển từ Xí nghiệp Quốc doanh chăn nuôi 2-9 sang để bắt đầu xây dựng cơ sở vật chất trên mảnh đất rộng 1,7 ha tại thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương. Chỉ bộ ban đầu chỉ có 03 đồng chí, các đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên chưa hình thành.
- Xí nghiệp bắt đầu hầu như từ tay trắng: không nhân lực, không vốn liếng, không chuyên môn kỹ thuật. Để nhanh chóng đi vào hoạt động, khi nhà xưởng vừa tạm thời xây xong, Xí nghiệp đã thuê gần 50 lao động người Việt gốc Hoa ở TP.Hồ Chí Minh có chuyên môn về sản xuất dệp xốp, nhanh



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

chóng lấp đặt máy móc, bắt tay ngay vào sản xuất. Trên 300 lao động phổ thông tại địa phương được tuyển dụng vào vừa học vừa làm. Chỉ một thời gian ngắn xí nghiệp đã có lô hàng đầu tiên đạt tiêu chuẩn và ủy thác xuất khẩu sang Liên Xô.

- Nguồn vốn hoạt động ban đầu của xí nghiệp chỉ vọn vẹn 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) nên phải huy động từ nhiều nguồn và quay nhanh nguồn vốn, lấy ngắn nuôi dài và tích góp để phát triển từng bước vững chắc.
- Bên cạnh dây chuyền sản xuất dếp xốp, năm 1983 Xí nghiệp đã sớm xây dựng xưởng nước đá cây, tiêu thụ sản phẩm hàng ngày nhằm đảm bảo lượng tiền mặt giải quyết nhu cầu sản xuất và đời sống của công nhân viên đều hầu hết ăn ở tập trung tại Xí nghiệp. Xí nghiệp còn mở rộng ra các xưởng phụ trợ như xưởng cưa, xưởng đóng gói bao bì, xưởng cơ khí, xưởng quai dếp để chủ động sản xuất, tăng nhanh sản lượng xuất khẩu và sử dụng ngoại tệ mạnh có được (đồng Rúp) đổi hàng đối lưu gồm những mặt hàng chiến lược để cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng thiết yếu trong tỉnh.
- Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự giúp đỡ của Ủy ban Nhân dân tỉnh và các ban ngành đoàn thể, cùng với sự nỗ lực của tập thể CBCNV đã tạo điều kiện cho Xí nghiệp không ngừng vươn lên. Đến năm 1984, số CBCNV có trên 500 người. Chính vì vậy, sau 02 năm, tập thể Xí nghiệp đã vinh dự đón nhận Huân chương lao động hạng III do Hội đồng Nhà nước trao tặng vào ngày 30/09/1984 và tiếp theo năm sau, Xí nghiệp lại vinh dự đón nhận Huân chương lao động hạng I do Hội đồng Nhà nước trao tặng vào ngày 06/01/1985. Nhờ sự động viên lớn lao và kịp thời nên tập thể CBCNV xí nghiệp đã giữ vững tinh thần đoàn kết, ra sức phấn đấu cộng với sự năng động, nhạy bén, “dám nghĩ, dám làm” của lãnh đạo đã vượt qua mọi khó khăn thử thách phía trước, không ngừng vươn lên.
- Từ số vốn ban đầu 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) sau hơn 20 năm hoạt động, tổng số vốn của Công ty là 271.000.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi một tỷ đồng), tăng 67.750 lần so với ban đầu. Số CBCNV đạt trên 3.300 lao động. Năm 2002, doanh thu đạt 450.5 tỷ đồng, nộp ngân sách đạt 12.5 tỷ đồng.

1.2.2. Giai đoạn 2003 - 2015

- Kể từ sau chủ trương đổi mới và chính sách kêu gọi thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư của Đảng và Nhà nước, nền kinh tế của nước ta ngày càng phát triển, vị thế của Việt Nam ngày càng được nâng lên trên trường quốc tế. Việt Nam tổ chức thành công Hội nghị thượng đỉnh các nước khu vực Châu Á – Thái Bình Dương (APEC) lần thứ 14, gia nhập và là thành viên thứ 150 của tổ chức Thương mại thế giới (WTO), đồng thời thực hiện tốt nhiệm vụ là thành viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc nhiệm kỳ 2008 - 2009. Trước cơ hội và thách thức mới, các doanh nghiệp phải phấn đấu để đứng vững và phải nhanh chóng hội nhập để tồn tại và phát triển.
- Nhằm thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 24/09/2001, Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 03/02/2004 khóa IX và Nghị Quyết Đại hội X của Đảng về sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp Nhà nước. Tỉnh ủy và UBND tỉnh Bình Dương đã thành lập Ban chỉ đạo đổi mới doanh nghiệp Nhà nước. Được sự chỉ đạo của Ban đổi mới, Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương đã từng bước thực hiện cổ phần hóa các đơn vị trực thuộc theo lộ trình và tiếp tục củng cố, phát triển các đơn vị thành viên để có đủ khả năng tự chủ trong sản xuất kinh doanh.



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- UBND tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 134/QĐ/UBND ngày 22/05/2006 chuyển Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con. Sau đó, UBND tỉnh Bình Dương tiếp tục ban hành Quyết định số 2964/QĐ-UBND ngày 04/10/2010 về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương thành Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV.

1.3. Các thành tựu đã đạt được trong quá trình hoạt động của Tổng Công ty

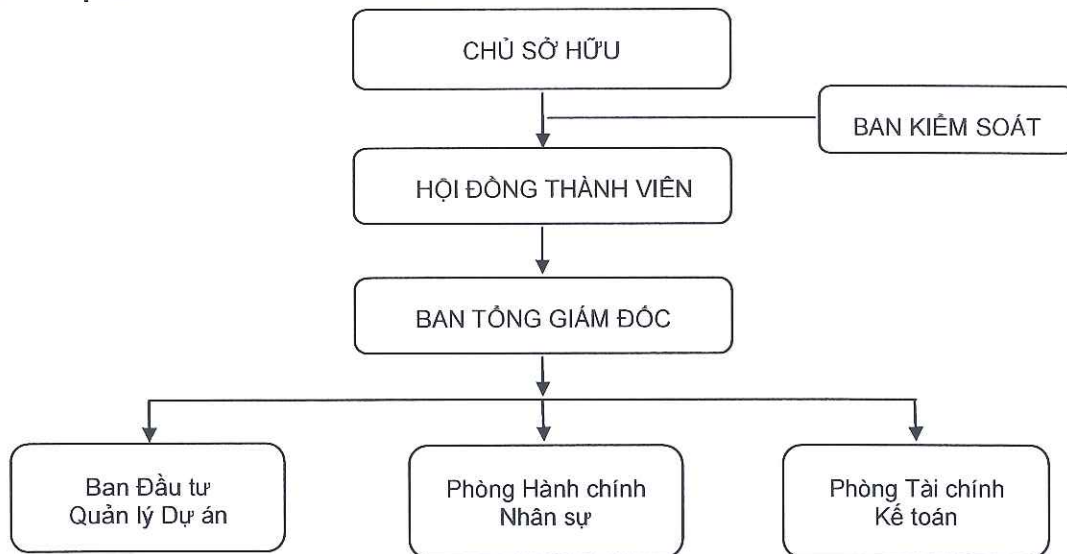
- Huân chương lao động hạng III của Chủ tịch nước ngày 30/09/1984, huân chương lao động hạng I của Chủ tịch nước ngày 16/11/1985, huân chương Anh hùng lao động của Chủ tịch nước ngày 31/05/2013 do đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ khi thành lập, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc;
- Các bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen, giấy khen của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương, Bộ Công an, Tổng Liên đoàn lao động, Liên đoàn lao động tỉnh Bình Dương, Ủy Ban MTTQVN tỉnh Bình Dương, Đảng Ủy khối Doanh Nghiệp, Đoàn khối Doanh Nghiệp tỉnh Bình Dương qua các năm;
- Ngoài ra còn có các bằng khen và cờ thi đua khác của các cấp.

1.4. Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương:

Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty đến thời điểm 31/12/2015 như sau:

- Hội đồng thành viên: 05 thành viên
- Ban Tổng Giám đốc: 05 thành viên
- Ban Kiểm soát: 01 thành viên
- Quy mô của Tổng Công ty: 9 Công ty con, 11 công ty liên doanh, liên kết và 1 đơn vị trực thuộc.

SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC CỦA TỔNG CÔNG TY



Nguồn: Phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1.5. Người lao động

Tổng số lao động có nhu cầu sử dụng khi chuyển sang công ty cổ phần là 126 lao động. Tổng Công ty lập phương án sắp xếp lại lao động khi chuyển sang công ty cổ phần và đã được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt bằng Công văn 5770/UBND-VX ngày 19/12/2017. Cụ thể như sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng
Theo trình độ lao động	126	100%
Trình độ đại học và trên đại học	26	21%
Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp	6	5%
Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông	94	74%
Theo loại hợp đồng lao động	126	100%
Hợp đồng không thời hạn + lao động bổ nhiệm	79	63%
Hợp đồng thời hạn 6 tháng	0	0%
Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	47	37%
Theo giới tính	126	100%
Nam	98	78%
Nữ	28	22%

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương

1.6. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa

Căn cứ Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh Bình Dương về việc công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương, giá trị thực tế tài sản của Tổng Công ty và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Tổng Công ty vào thời điểm ngày 31/12/2015 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp) như sau:

Đơn vị tính: đồng

Chi tiêu	Số liệu số sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4=3-2
A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)	3.147.510.754.381	4.346.392.525.464	1.198.881.771.083
I. TSCĐ và Đầu tư dài hạn (1+2+3+4)	1.858.205.289.599	2.814.789.837.834	956.584.548.235
1. Tài sản cố định	5.844.809.705	16.006.980.137	10.162.170.432
1.1. TSCĐ hữu hình	5.759.163.852	16.006.980.137	10.247.816.285
- Nhà cửa vật kiến trúc	346.036.898	3.779.410.430	3.433.373.532
- Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, truyền dẫn, thiết bị dụng cụ quản lý,...	5.413.126.954	12.227.569.706	6.814.442.752



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Chi tiêu	Số liệu số sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4=3-2
1.2. Tài sản vô hình	85.645.853	-	(85.645.853)
-Giá trị quyền sử dụng đất	85.645.853	-	(85.645.853)
1.3. Chi phí XDCB dở dang	352.132.931	6.116.723.182	5.764.590.251
2. Các khoản phải thu dài hạn	477.905.544.464	477.905.544.464	-
- Phải thu về cho vay dài hạn	169.591.299.652	169.591.299.652	-
- Phải thu dài hạn khác	308.314.244.812	308.314.244.812	-
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.369.823.433.089	2.310.124.904.122	940.301.471.033
- Đầu tư vào công ty con	620.471.414.328	1.232.724.475.253	612.253.060.925
- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	1.056.019.359.889	1.076.895.428.870	20.876.068.981
- Đầu tư tài chính dài hạn khác	505.000.000	505.000.000	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(307.172.341.128)	-	307.172.341.128
4. Tài sản dài hạn khác	4.279.369.410	4.635.685.929	356.316.519
- Chi phí trả trước dài hạn	4.279.369.410	4.635.685.929	356.316.519
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	1.289.305.464.782	1.338.582.682.340	49.277.217.558
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	152.490.332.014	152.490.332.014	-
- Tiền	37.490.332.014	37.490.332.014	-
- Các khoản tương đương tiền	115.000.000.000	115.000.000.000	-
2. Các khoản ĐTTT ngắn hạn	-	-	-
3. Các khoản phải thu	1.112.531.101.414	1.158.073.831.733	45.542.730.319
- Phải thu khách hàng	106.766.410.128	106.766.410.128	-
- Trả trước cho người bán	27.511.093.520	27.511.093.520	-
- Các khoản phải thu khác	380.796.927.065	380.796.927.065	-
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	642.999.401.020	641.999.401.020	-
- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(45.542.730.319)	-	45.542.730.319
4. Hàng tồn kho	23.790.796.829	27.483.607.215	3.692.810.386
- Hàng tồn kho	23.916.655.675	27.483.607.215	3.566.951.540
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(125.858.846)	-	125.858.846
5. Tài sản ngắn hạn khác	493.234.525	534.911.379	41.676.854
- Chi phí trả trước ngắn hạn	170.137.732	211.814.586	41.676.854
+ Chi phí trả trước	170.137.732	211.814.586	41.676.854

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Chi tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4=3-2
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	323.096.793	323.096.793	
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	-	193.020.005.291	193.020.005.291
1. Giá trị thương hiệu	-	191.519.795.021	191.519.795.021
2. Giá trị tiềm năng phát triển	-	1.500.210.270	1.500.210.270
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B. TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG	827.385.169.308	827.385.169.308	-
I.Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	827.385.169.308	827.385.169.308	-
1.Tài sản cố định hữu hình	85.053.488.148	85.053.488.148	-
-Nhà cửa vật kiến trúc	11.994.593.500	11.994.593.500	-
-Máy móc thiết bị, PTVT, DCQL	785.114.933	785.114.933	-
2. Công cụ, dụng cụ	-	-	-
3.Tài sản cố định vô hình	72.273.779.715	72.273.779.715	-
4.Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	111.523.814.526	111.523.814.526	-
5.Chi phí XD/CB dở dang	528.536.293.740	528.536.293.740	-
6.Bất động sản đầu tư	102.271.572.894	102.271.572.894	-
C. TÀI SẢN KHÔNG TÍNH VÀO GTDN	-	-	-
D. TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	307.289.116.196	307.289.116.196	-
I.Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	307.289.116.196	307.289.116.196	-
1.Tài sản cố định	784.886.089	784.886.089	-
2.Các khoản tư tài chính dài hạn	56.823.500.000	56.823.500.000	-
3.Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	241.377.487.534	241.377.487.534	-
4.Bất động sản đầu tư	8.303.242.573	8.303.242.573	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+B+C+D)	4.282.185.039.885	5.481.066.810.968	1.198.881.771.083
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DN (Mục A)	3.147.510.754.381	4.346.392.525.464	1.198.881.771.083
E1. Nợ thực tế phải trả	2.572.458.733.665	2.572.458.733.665	-
1. Nợ phải trả	2.572.458.733.665	2.572.458.733.665	-
2. Nợ không tính vào giá trị doanh nghiệp	-	-	-
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp thực tế	-	-	-
1. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
2. Nguồn kinh phí sự nghiệp không tính vào giá trị doanh nghiệp	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHÂN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A-(E1+E2)]	575.052.020.716	1.773.933.791.799	1.198.881.771.084

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Tóm tắt kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

- Tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015 của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương là:
 - Giá trị sổ sách: 4.282.185.039.885 đồng
 - Giá trị xác định lại: 5.481.066.810.968 đồng
 - Chênh lệch: 1.198.881.771.083 đồng
- Trong đó, giá trị thực tế phân vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương tại thời điểm 31/12/2015 để cổ phần hóa là:
 - Giá trị sổ sách: 575.052.020.716 đồng
 - Giá trị xác định lại: 1.773.933.791.799 đồng
 - Chênh lệch tăng: 1.198.881.771.084 đồng
- Giá trị tài sản loại trừ khi xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015: 0 đồng

1.7. Thực trạng về đất đai đang sử dụng tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp:

Căn cứ Quyết định số 3027/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV, theo đó, Tổng Công ty được tiếp tục sử dụng các khu đất đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định với tổng diện tích là **2.554.492,5 m²**. Cụ thể như sau:

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



TT	Tên khu đất	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Năm bắt đầu thuê	Năm kết thúc hợp đồng thuê đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng	Mục đích sử dụng đất sau công nhận quyền phân hóa	Hình thức sử dụng đất sau công nhận quyền phân hóa	Ghi chú
1	Sân golf Sông Bé	P. Bình Nhâm, Thuận Giao, TX. Thuận An, Bình Dương	1.040.000	1/9/1992	31/8/2042	Thuê đất, giao nhận nợ góp vốn liên doanh	Sân golf Sông Bé	Sân golf Sông Bé	Đất thuê trả tiền một lần	Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé quản lý, sử dụng
2	Vành đai sân golf	Phường Lái Thiêu, TX. Thuận An, Bình Dương	16.583	n/a	n/a	Thuê đất trả tiền thuê hàng năm	Vành đai Sân golf Sông Bé	Vành đai Sân golf Sông Bé	Thuê đất trả tiền hàng năm	
3	Khu liên hợp DV-ĐT Bình Dương (sân golf Thái Hòa)	Phường Hòa Phú, Thủ Dầu Một, Bình Dương	1.450.101,8	1/6/2006	1/6/2056	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	sân golf Thái Hòa	sân golf Thái Hòa	Thuê đất trả tiền một lần	Protrade chuyển nhượng cho CTCP Đầu tư và Phát triển Tân Thành quản lý và sử dụng theo hợp đồng liên doanh.
4	Nhà máy nước đá Dĩ An	Phường Đông Hòa, TX. Dĩ An, Bình Dương	2.154,7	n/a	n/a	Thuê đất trả tiền thuê hàng năm	Nhà máy nước đá Dĩ An	Nhà máy nước đá Dĩ An	Thuê đất trả tiền hàng năm	Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV quản lý, sử dụng
5	Nhà máy giấy Phú	Xã Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, Bình Dương	45.653	n/a	n/a	Thuê đất trả tiền thuê hàng năm	Nhà máy giấy Vĩnh Phú	Nhà máy giấy Vĩnh Phú	Thuê đất trả tiền hàng năm	Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú quản lý, sử dụng

Nguồn: Phương án công nhận quyền phân hóa Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



(*) Ghi chú: trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, khu đất tại Khu liên hợp Dịch vụ - Đầu tư Bình Dương (sân gôn Thái Hòa) với diện tích 1.450.101,8 m² đang làm thủ tục để chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành quân lý và sử dụng theo nội dung của hợp đồng liên doanh. Do đó, khu đất này không xác định lại giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị của Tổng Công ty cho cổ phần hóa. Vì vậy, giá trị quyền sử dụng đất của khu đất này được trình bày ở phần B, mục I, khoản 5-Chỉ phí xây dựng cơ bản dở dang, khi xác định giá trị doanh nghiệp.

Đến thời điểm 31/12/2017, Tổng Công ty Sân xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương đã hoàn thành việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu liên hợp Dịch vụ - Đầu tư Bình Dương (sân gôn Thái Hòa) với diện tích 1.450.101,8 m² cho Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành. Như vậy, đến thời điểm 31/12/2017, Tổng Công ty chỉ còn quản lý và sử dụng 4 khu đất đã được Nhà nước cho thuê đất theo quy định với diện tích là 1.104.309,7 m². Chi tiết như sau:

TT	Tên khu đất	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Năm bắt đầu thuê	Năm kết thúc hợp đồng thuê đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng	Mục đích sử dụng đất sau có phần hóa	Hình thức sử dụng đất sau phần hóa	Ghi chú
1	Sân golf Sông Bé	P. Bình Nhâm, Thuận Giao, TX. Thuận An, Bình Dương	1.040.000	1/9/1992	31/8/2042	Thuế đất, giao nhận nợ góp vốn liên doanh	Sân golf Sông Bé	Sân golf Sông Bé	Đất thuê trả tiền một lần	Công ty TNHH Sân Golf Palm
2	Vành đai sân golf	Phường Lái Thiêu, TX. Thuận An, Bình Dương	16.583	n/a	n/a	Thuế đất trả tiền thuê hàng năm	Vành đai Sân golf Sông Bé	Vành đai Sân golf Sông Bé	Thuế đất trả tiền hàng năm	Sông Bé tiếp tục quản lý, sử dụng
3	Nhà máy nước đá Dĩ An	Phường Đông Hòa, TX. Dĩ An, Bình Dương	2.154,7	n/a	n/a	Thuế đất trả tiền thuê hàng năm	Nhà máy nước đá Dĩ An	Nhà máy nước đá Dĩ An	Thuế đất trả tiền hàng năm	Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV quản lý, sử dụng
4	Nhà máy giấy Phú	Xã Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, Bình Dương	45.653	n/a	n/a	Thuế đất trả tiền thuê hàng năm	Nhà máy giấy Vĩnh Phú	Nhà máy giấy Vĩnh Phú	Thuế đất trả tiền hàng năm	Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú quản lý, sử dụng

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1.8. Chủ sở hữu, danh sách các công ty con và công ty liên kết của tổ chức phát hành

1.8.1. Chủ sở hữu của tổ chức phát hành:

- Chủ sở hữu của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương: Tỉnh ủy tỉnh Bình Dương.
- Địa chỉ: Tầng 17, TTHC tỉnh Bình Dương, đường Lê Lợi, P. Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương.
- Điện thoại: 0274 3822705
- Fax: 0274 3822957
- Email: vptinhuy@binhduong.gov.vn

1.8.2. Danh sách các công ty con của tổ chức phát hành tại thời điểm 31/12/2015:

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu theo VDL của Protrade	Vốn thực góp	Tỷ lệ thực góp của Protrade	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty TNHH MTV Giấy Vành Phú	Áp Cây Sắn, xã Lai Uyên, Bến Cát, Bình Dương	20.000.000.000	100%	20.000.000.000	100%	Sản xuất, kinh doanh giấy bao bì và các sản phẩm khác từ giấy....
2	Công ty TNHH Sân Golf Palm Sóng Bé	77 đại lộ Bình Dương, TX. Thuận An, Bình Dương	259.331.601.540 (tương đương 12.408.210,6 Đô la Mỹ)	100%	259.331.601.540	100%	Kinh doanh dịch vụ Golf, nhà hàng...
3	Công ty CP TM Tổng hợp Thuận An	Châu Văn Tiếp, P. Lai Thiệu, TX. Thuận An, Bình Dương	9.950.000.000	62,68%	9.950.000.000	62,68%	Kinh doanh xăng dầu các loại.
4	KP Apparel Manufacturing Co.LTD	Campuchia	62.138.549.749	100%	62.138.549.749	100%	Sản xuất kinh doanh hàng may mặc.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



TT	Tên công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu theo VĐL của Protrade	Vốn thực góp	Tỷ lệ thực góp của Protrade	Hoạt động kinh doanh chính
5	Công ty TNHH MTV Cao su Bến Cát	Áp Rạch Bắp, xã An Tây, Thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	19.800.000.000	100%	19.800.000.000	100%	Trồng và chế biến mù cao su.
6	Công ty TNHH MTV Chăn Nuôi Vifaco	KP Hòa Long, P.Lái Thiêu, TX Thuận An, tỉnh Bình Dương	11.845.000.000	100%	11.845.000.000	100%	Chăn nuôi.
7	Công ty TNHH MTV DV & CN Thuốc Lá Bình Dương	Đường Lê Hồng Phong, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương	64.123.477.889	100%	64.123.477.889	100%	Sản xuất sản phẩm từ thuốc lá.
8	Công ty TNHH D&M	Bình Thuận, Phan Thiết	6.000.000.000	100%	5.500.000.000	91,67%	Dịch vụ du lịch.
9	Công ty Đầu tư Xây dựng 3/2	Nguyễn Văn Tiết, P.Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương	112.000.000.000	51%	112.000.000.000	51%	Khai thác cát, đá, sỏi...

Người: Phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương

Đến thời điểm 31/12/2017, Protrade đã hoàn thành việc thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng 3/2 và chuyển giao toàn bộ phần vốn của Tổng Công ty tại các công ty con bao gồm: Công ty TNHH MTV Cao su Bến Cát, Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Vifaco và Công ty TNHH MTV Dịch vụ - Công nghiệp và Thuốc lá Bình Dương cho Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý dự án Bình Dương theo Quyết định số 235-QĐ/TU ngày 25/8/2016 của Tỉnh Ủy Bình Dương.



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Danh sách các công ty con của tổ chức phát hành tại thời điểm 31/12/2017 như sau:

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu theo VDL của Protrade	Vốn thực góp	Tỷ lệ thực góp của Protrade	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty TNHH MTV Giấy Vành Phú	Áp Cây Sắn, xã Lai Uyên, Bến Cát, Bình Dương	20.000.000.000	100%	20.000.000.000	100%	Sản xuất, kinh doanh giấy bao bì và các sản phẩm khác từ giấy ...
2	Công ty TNHH Sân Golf Palm Sóng Bé	77 đại lộ Bình Dương, Thuận An, Bình Dương	259.331.601.540 (tương đương 12.408.210,6 Đô la Mỹ)	100%	259.331.601.540 (tương đương 12.408.210,6 Đô la Mỹ)	100%	Kinh doanh dịch vụ Golf, nhà hàng...
3	Công ty CP TM Tổng hợp Thuận An	Châu Văn Tiếp, P. Lái Thiêu, TX. Thuận An, Bình Dương	9.950.000.000	62,68%	9.950.000.000	62,68%	Kinh doanh xăng dầu các loại.
4	KP Apparel Manufacturing (*) Co.LTD	Vương quốc Campuchia	62.138.549.749	100%	62.138.549.749	100%	Sản xuất kinh doanh hàng may mặc.
5	Công ty TNHH D&M (**)	Phan Thiết, Bình Thuận	6.000.000.000	100%	5.500.000.000	91,67%	Dịch vụ du lịch.
6	Công ty TNHH Ascendas - Protrade	An Tây, TX. Bến Cát, Bình Dương	621.240.000.000	100%	621.240.000.000	100%	Kinh doanh đầu tư hạ tầng KCN..

Ghi chú:

(*): Tổng công ty đang làm thủ tục giải thể Công ty TNHH KP Apparel Manufacturing có trụ sở tại Vương quốc Campuchia.

(**): Tổng công ty đang làm thủ tục chuyển nhượng Công ty TNHH D&M có trụ sở tại thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



1.8.3. Danh sách các công ty liên kết của tổ chức phát hành tại thời điểm 31/12/2015:

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu theo VBL của Protrade	Vốn thực góp	Tỷ lệ thực góp của Protrade	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty CP Cao Su Dầu Tiếng Việt Lào	Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào	400.000.000.000	40%	400.000.000.000	40%	Trồng và chế biến mủ cao su
2	Công ty CP Phát Triển Phú Mỹ	P.Hòa Phú, TP TDM, Bình Dương	55.000.000.000.000	35%	50.677.593.000.000	29,46%	Kinh doanh dịch vụ Golf, nhà hàng..
3	Công ty TNHH Ascendas – Protrade	An Tây, Bến Cát, Bình Dương	621.240.000.000 (tương đương 30.000.000.000.000.000)	30%	621.240.000.000 (tương đương 30.000.000.000.000.000)	30%	Kinh doanh đầu tư hạ tầng KCN..
4	Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam	KP Bình Đức, P.Bình Hòa, Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương	294.906.142.000	30%	294.906.142.000	30%	Kinh doanh, chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa.
5	Công ty CP Bệnh Viện Đa Khoa Quốc Tế Hạnh Phúc	Phường Vĩnh Phú, TX Thuận An, Bình Dương	209.700.000.000	24%	209.700.000.000	24%	Hoạt động lĩnh vực y tế...
6	Công ty Cổ Phần Hưng Vượng	Nguyễn Văn Tiết, P.Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương	150.000.000.000	30,9%	150.000.000.000	30,9%	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, đồ gỗ xây dựng, cửa, xẻ gỗ...
7	Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Tân Phú	P.Hòa Phú, TP TDM, Bình Dương	200.000.000.000	30%	63.500.000.000	2,36%	Kinh doanh BĐS, căn hộ cao cấp...
8	Công ty TNHH YCH – Protrade	KP Đồng An, Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương	162.071.250.000 (tương đương 8.000.000.000.000.000)	30%	162.071.250.000 (tương đương 8.000.000.000.000.000)	30%	Kinh doanh vận tải, kho vận...
9	Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Tân Thành	P.Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương	480.000.000.000	30%	277.069.437.660	51,97%	Kinh doanh dịch vụ Golf, nhà hàng...

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



TT	Tên công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu theo VDL của Protrade	Vốn thực góp	Tỷ lệ thực góp của Protrade	Hoạt động kinh doanh chính
10	Công ty CP Dịch vụ & Công nghiệp Bình Dương	P.Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương	6.000.000.000	49%	4.380.000.000	44%	Dịch vụ tư vấn đầu tư
11	Công ty CP May Mặc Bình Dương	KP Bình Hòa, P.Lái Thiêu, TX Thuận An, Bình Dương	120.000.000.000	48,89%	120.000.000.000	48,89%	Sản xuất, kinh doanh hàng may mặc...

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương

Đến thời điểm **31/12/2017**, Protrade đã hoàn thành việc:

- + Nhận chuyển nhượng 70% vốn điều lệ của Công ty TNHH Ascendas – Protrade từ đối tác Ascendas Vietnam Properties Pte Ltd để nâng tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty trong Công ty TNHH Ascendas – Protrade sau khi nhận chuyển nhượng là 100%. Sau khi hoàn thành việc chuyển nhượng vốn góp, Công ty TNHH Ascendas – Protrade đã chuyển đổi loại hình sở hữu và đổi tên thành Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade. Hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade là cho thuê hạ tầng khu công nghiệp.
- + Thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty cổ phần Dịch vụ & Công nghiệp Bình Dương và Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Phú.
- + Tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Bệnh Viện Đa Khoa Quốc Tế Hạnh Phúc (bệnh viện Hạnh Phúc) từ 209,7 tỷ đồng lên thành 1.224,794 tỷ đồng. Trong đó, tỷ lệ vốn góp của Tổng Công ty trong vốn điều lệ mới của bệnh viện Hạnh Phúc tăng lên 69,49%. Tiếp đó, Tổng Công ty đã chuyển nhượng 45,49% vốn góp cho Công ty cổ phần Dịch vụ Sức khỏe Hoàn Mỹ. Sau khi đã hoàn thành việc chuyển nhượng, Tổng Công ty còn sở hữu 24% vốn điều lệ mới tại bệnh viện Hạnh Phúc.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Danh sách các công ty liên doanh, liên kết của tổ chức phát hành tại thời điểm 31/12/2017 như sau:

TT	Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu theo VDL của Protrade	Vốn thực góp	Tỷ lệ thực góp của Protrade	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty CP Cao Su Dầu Tiếng Việt Lào	Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào	500.000.000.000	40%	500.000.000.000	40%	Trồng và chế biến mù cao su
2	Công ty CP Phát Triển Phú Mỹ	P.Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương	55.000.000 Đô la Mỹ	35%	55.000.000 Đô la Mỹ	35%	Kinh doanh dịch vụ Golf, nhà hàng..
3	Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam	KP Bình Đức, P.Bình Hòa, Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương	294.906.142.000	30%	294.906.142.000	30%	Kinh doanh, chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa.
4	Công ty CP Bệnh Viện Đa Khoa Quốc Tế Hạnh Phúc	Phường Vĩnh Phú, TX Thuận An, Bình Dương	1.224.794.000.000	24%	1.224.794.000.000	24%	Hoạt động lĩnh vực y tế...
5	Công ty Cổ Phần Hưng Vượng	Nguyễn Văn Tiết, P.Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương	150.000.000.000	30,9%	150.000.000.000	30,9%	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, đồ gỗ xây dựng, cửa, xẻ gỗ...
6	Công ty TNHH YCH - Protrade	KP Đồng An, Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương	162.071.250.000 (tương đương 8.000.000 Đô la Mỹ)	30%	162.071.250.000 (tương đương 8.000.000 Đô la Mỹ)	30%	Kinh doanh vận tải, kho vận...
7	Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Tân Thành	P.Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương	480.000.000.000	30%	277.069.437.660	51,97%	Kinh doanh dịch vụ Golf, nhà hàng...
8	Công ty CP May Mặc Bình Dương	KP Bình Hòa, P.Lái Thiêu, TX Thuận An, Bình Dương	120.000.000.000	48,89%	120.000.000.000	48,89%	Sản xuất, kinh doanh hàng may mặc...

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trước khi cổ phần hóa

2.1. Phân tích doanh thu

Cơ cấu doanh thu của Tổng Công ty như sau:

ĐVT: triệu đồng

Nhóm hàng/ Dịch vụ	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		9 tháng 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.708	7,7%	29.933	6,2%	672.024	58,6%	568.062	52,2%	18.819	4,0%
Doanh thu hoạt động tài chính	321.874	86,8%	342.244	70,1%	461.852	40,3%	520.233	47,8%	395.738	84,1%
Thu nhập khác	20.357	5,5%	115.743	23,7%	12.260	1,1%	150	0,0%	56.158	11,9%
Tổng cộng	370.939	100%	487.920	100%	1.146.136	100%	1.088.445	100%	470.715	100%

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2013-2016, BCTC 9 tháng 2017 do Tổng Công ty tự lập

- Doanh thu thuần năm 2014 so với 2013 không có biến động nhiều, Tổng Công ty hoạt động kinh doanh có hiệu quả, năm sau cao hơn năm trước. Doanh thu năm 2015 tăng 2.245% so với năm 2014, nguyên nhân là do trong năm Tổng Công ty phát sinh doanh thu từ việc nhận tiền đền bù đất theo Hợp đồng liên doanh với Công ty TNHH Ascendas – Protrade, đây là hoạt động không thường xuyên, nên khi đánh giá chỉ tiêu tài chính sẽ không chính xác mà chỉ đánh giá khoản doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên và khoản doanh thu này vẫn tăng ổn định qua các năm.
- Doanh thu hoạt động tài chính: đối với Tổng Công ty thì khoản này là khoản thu lợi nhuận từ hoạt động đầu tư vào công ty con, công ty liên kết. Khoản doanh thu này ổn định qua các năm, tuy nhiên năm 2015 có một sự tăng đột biến là do Tổng Công ty ghi nhận trước khoản phải thu từ lãi liên doanh của Công ty FrieslandCampina Việt Nam theo Nghị quyết Hội đồng thành viên tháng 12/2015, tiền lãi thực nhận thu đầu năm 2016 và một khoản biến động nhẹ là do Tổng Công ty thoái một phần vốn từ khoản đầu tư vào Công ty Đầu tư Xây dựng 3-2 và Công ty cổ phần Trung Thành, Công ty cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk).
- Thu nhập khác: đây là các khoản thu nhập phát sinh từ đánh giá chênh lệch từ đánh giá lại tài sản quyền sử dụng đất góp vốn, và các khoản doanh thu tiền đền bù đất theo Hợp đồng liên doanh, các khoản phát sinh này không thường xuyên nên sẽ tăng giảm theo mỗi năm quyết toán.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



2.2. Phân tích chi phí sản xuất

Tỷ trọng các loại chi phí của Tổng Công ty so với tổng chi phí qua các năm như sau:

Dvt: triệu đồng

Yếu tố chi phí	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		9 tháng 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Giá vốn hàng bán	21.626	12,9%	23.216	13,1%	670.901	71,9%	376.300	45,6%	15.446	10,9%
Chi phí tài chính	113.453	67,5%	81.857	46,1%	195.299	20,9%	414.944	50,2%	76.786	54,0%
Chi phí bán hàng	887	0,5%	879	0,5%	957	0,1%	922	0,1%	645	0,5%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	32.093	19,1%	68.948	38,8%	66.126	7,1%	29.540	3,6%	49.251	34,6%
Chi phí khác			2.568	1,5%	1	0,0%	4.323	0,5%	160	0,1%
Tổng chi phí	168.059	100%	177.470	100%	933.284	100%	826.029	100%	142.288	100%

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2013-2016, BCTC 9 tháng 2017 Tổng Công ty tự lập

- Giá vốn hàng bán của đơn vị chiếm tỷ trọng thứ 02 trong tổng chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và tương đối ổn định qua các năm, tuy nhiên trong năm 2015 có sự biến động tăng mạnh, đó là phát sinh khoản giá vốn từ chuyển giao đất cho Công ty TNHH Ascendas – Protrade, đây là khoản phát sinh không thường xuyên nhưng vẫn đảm bảo tính hợp lý so với doanh thu. Tỷ lệ Giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần từ năm 2013 đến năm 2015 có xu hướng tăng dần ở mức lần lượt là 75%, 78% và 98%.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm tỷ trọng thứ 03 trong tổng chi phí của Tổng Công ty. Tổng Công ty cũng rất chú trọng trong việc tiết giảm khoản mục chi phí này để tăng lợi nhuận.
- Chi phí tài chính chiếm tỷ trọng cao nhất trong các khoản mục chi phí của Tổng Công ty, do trong các năm vừa qua Tổng Công ty đầu tư nhiều dự án quan trọng như nhận chuyển nhượng Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé để trở thành 100% công ty con, và khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết trong giai đoạn đầu chưa mang lại lợi nhuận nên Tổng Công ty phải trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính làm chi phí tài chính trong giai đoạn này tăng cao.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi cổ phần hóa

3.1. Các chỉ tiêu tài chính và kết quả kinh doanh thể hiện qua các năm

DVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	9 tháng 2017
1	Tổng Doanh thu *	370.939	487.920	1.146.136	1.088.445	470.715
	<i>Tốc độ tăng trưởng doanh thu qua các năm</i>	-24%	32%	135%	-5%	
2	Tổng chi phí **	168.059	177.154	933.284	826.029	142.288
3	Lợi nhuận trước thuế	202.880	310.767	212.852	262.416	328.427
4	Lợi nhuận sau thuế	202.575	310.767	212.852	226.017	317.195
	<i>Tỷ lệ lợi nhuận thuần/Tổng doanh thu</i>	55%	64%	19%	24%	67%
5	Tổng tài sản	3.297.474	4.213.902	4.282.185	4.640.355	4.555.752
	<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản</i>	6,15%	7,37%	4,97%	5,66%	6,96%
6	Vốn chủ sở hữu	1.007.552	1.722.369	1.785.434	1.770.610	2.087.805
	<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH</i>	19,32%	22,77%	11,92%	14,82%	15,19%
7	Số lao động (người)	166	176	185	182	183
8	Tổng quỹ lương	20.892	20.398	30.607	32.381	25.382
9	Thu nhập bình quân NLD/tháng	9,69	8,68	12,97	13,96	10,47
10	Thu nhập bình quân/Viên chức quản lý/tháng	36	43	43	40	32
11	Các khoản nộp ngân sách	60.362	34.770	125.523	71.962	500.438
	-Thuế GTGT	528	3.419	62.521	17.858	-
	- Thuế thu nhập DN	122	380		35.049	3.401
	- Thuế thu nhập cá nhân	1.637	1.540	2.155	344	244
	- Thuế tài nguyên	9	34	17	2	2
	- Thuế đất + môn bài	309	142	59.070	67	28
	- Khác	57.757	29.255	1.760	18.641	496.763

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	9 tháng 2017
12	Nợ phải trả	2.919.922	2.491.533	2.433.369	2.869.745	2.467.947
	Nợ ngắn hạn	1.377.936	1.164.783	1.843.696	2.250.262	2.038.464
	Trong đó: Nợ quá hạn	-	-	-	-	-
	Nợ dài hạn	1.541.986	1.326.750	589.673	619.483	429.483
	Trong đó: Nợ quá hạn	-	-	-	-	-
13	Nợ phải thu	606.650	613.911	1.590.437	1.825.263	1.073.747
	Trong đó: Nợ khó đòi	6.600	33.713	45.543	13.815	13.815

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2013-2016, BCTC 9 tháng 2017 do Tổng Công ty tự lập

(*) bao gồm Doanh thu thuần, Doanh thu hoạt động tài chính và Doanh thu khác

(**) bao gồm Giá vốn hàng bán, Chi phí bán hàng, Chi phí quản lý doanh nghiệp, Chi phí tài chính và Chi phí khác

3.2. Đánh giá về tình hình hoạt động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trước cổ phần hóa

3.2.1. Đánh giá chung

Nhiều năm qua, Tổng Công ty đã dần xây dựng được định hướng, chiến lược nhằm khẳng định thương hiệu, mở rộng phát triển trên thị trường trong và ngoài nước. Tổng Công ty liên tục đổi mới, mạnh dạn đẩy mạnh phát triển, đổi mới công nghệ, lựa chọn phân khúc thị trường sản phẩm cao cấp, có giá trị cao, ít bị cạnh tranh, ứng dụng thường xuyên các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất, trình độ chuyên môn, năng lực công tác, để Tổng Công ty có đầy đủ điều kiện phát triển ổn định trong những năm qua.

Doanh thu thuần năm 2013 tăng 115% so với cùng kỳ năm trước, Lợi nhuận trước thuế đạt 80% so với năm trước. Năm 2014 doanh thu thuần tăng 104% so với cùng kỳ năm 2013, lợi nhuận trước thuế đạt 113% so với năm trước. Năm 2015 doanh thu thuần tăng 2.245% so với cùng kỳ 2014, lợi nhuận trước thuế đạt 70% so với cùng kỳ năm 2014. Doanh thu thuần tăng là do trong kỳ phát sinh doanh thu từ việc thu tiền đền bù giải phóng mặt bằng từ Công ty TNHH Ascendas – Protrade, Lợi nhuận giảm so với cùng kỳ là do Tổng công ty điều chỉnh một số khoản mục trích lập dự phòng đầu tư tài chính và khoản phải thu, tuy nhiên đối với doanh thu thuần cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm đạt 109%.

3.2.2. Đánh giá về một số nhân tố làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty

Tổng Công ty là một trong ba “trụ cột” trong thành phần kinh tế Nhà nước ở Bình Dương. Đồng thời, là một trong những Tổng Công ty có thương hiệu, uy tín tại Bình Dương nói riêng, các tỉnh miền Đông Nam bộ cũng như trong cả nước nói chung.

Tổng Công ty đã tạo ra nhóm các sản phẩm xuất khẩu có thị trường ổn định, có thương hiệu, được thị trường các nước Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản... chấp nhận, tiêu biểu như: sản phẩm may mặc, sản phẩm gỗ, mù cao su. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng tập trung phát triển mạnh nhiều mặt hàng phục vụ cho nhu



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

cầu sản xuất và tiêu dùng trong nước, tiêu biểu như: chăn nuôi, cung cấp con giống và thịt thương phẩm; sản xuất giấy, bao bì; sản xuất nước đá.

Các hoạt động dịch vụ của Tổng Công ty đã khẳng định được chỗ đứng trên địa bàn tỉnh Bình Dương nói riêng và các tỉnh miền Đông Nam bộ, thành phố Hồ Chí Minh nói chung, thu hút ngày càng nhiều khách hàng trong nước và nước ngoài, đáp ứng được nhu cầu sử dụng dịch vụ ngày càng tăng của khách hàng, các nhà đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận.

Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng có những chuyển biến nội tại trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh để đạt được kết quả tốt, cụ thể như sau:

- Về chiến lược kinh doanh: Tổng Công ty đã không ngừng đổi mới ngành nghề kinh doanh từ sản xuất dế xốp, sản xuất quần áo trẻ em xuất khẩu, sản phẩm nước đá, dưa tre xuất khẩu, sản phẩm giấy, chế biến gỗ xuất khẩu cho tới các ngành như dịch vụ du lịch, bất động sản, sân golf. Các đơn vị được áp dụng chiến lược kinh doanh khác nhau: dẫn đầu về chi phí, cá biệt hóa sản phẩm hay tập trung vào phân đoạn khách hàng, khu vực địa lý. Nắm bắt nhanh nhạy nhu cầu thị trường để lựa chọn chiến lược kinh doanh là một trong những thế mạnh của Tổng Công ty.
- Về phương thức sản xuất: Từ nhu cầu thị trường Tổng Công ty đã mạnh dạn đầu tư vào thiết bị dây chuyền hiện đại mang lại chất lượng và năng suất cao, ưu tiên nhập khẩu công nghệ, máy móc hiện đại song hành với đào tạo người lao động. Tổng Công ty có kế hoạch tiếp tục thu hút đầu tư các ngành năng lượng sạch, công nghệ sinh học, từng bước thay đổi hiện đại hóa các doanh nghiệp sản xuất.
- Về cơ cấu sản xuất: Bên cạnh chiến lược sản xuất đa dạng hóa sản phẩm Tổng Công ty còn phát triển kinh doanh thương mại và dịch vụ. Tổng Công ty đã tham gia đầu tư 62,68% vốn vào Công ty Thương mại tổng hợp Thuận An với sản phẩm kinh doanh là xăng dầu; quyết định đầu tư vào Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé, Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh phúc, Công ty TNHH Du lịch D&M...
- Về văn hóa doanh nghiệp: Tổng Công ty là đơn vị dẫn đầu tỉnh trong phong trào: "Xây dựng cơ quan, đơn vị văn hóa, xanh sạch đẹp" và phong trào "Học và làm theo lời Bác", "Thi đua nâng cao kiến thức ngoại ngữ và tin học, nâng cao kiến thức phục vụ cho công tác chuyên môn". Các phong trào này đã mang lại sự gắn kết giữa người lao động trong Tổng Công ty cũng như sự gắn kết giữa người lao động và cam kết làm việc lâu dài với doanh nghiệp.
- Tái cơ cấu tài sản: Tổng Công ty đã không ngừng đổi mới, thành lập nhiều đơn vị trực thuộc, cơ sở sản xuất kinh doanh mới, đóng cửa, giải thể các phân xưởng, công ty không còn phù hợp với thị trường và không có hiệu quả kinh tế. Tổng Công ty cũng tiến hành chia tách, chuyển đổi hình thức các công ty con theo quy định và hướng dẫn của các cơ quan chức năng theo từng thời kỳ.
- Lựa chọn và quản lý danh mục đầu tư: Tổng Công ty tập trung vào các ngành nghề trọng điểm, cùng chuỗi lợi ích đồng thời liên tục đổi mới cơ cấu đầu tư khi cần thiết.
- Tạo lập và phân bổ các nguồn vốn: Bên cạnh nguồn vốn chủ sở hữu, Tổng Công ty đã tăng cường sử dụng vốn vay, vốn của khách hàng. Không những kêu gọi vốn trong nước, Tổng Công ty còn nỗ lực liên doanh liên kết với các tổ chức nước ngoài để tăng cường sức mạnh tài chính cũng như cơ hội tiếp cận với công nghệ và trình độ quản lý hiện đại.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Tổng hợp một số chỉ tiêu tài chính của Tổng Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	9 tháng 2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,31	0,69	0,70	0,60	0,43
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,48	0,69	0,69	0,54	0,36
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)					
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	74%	59%	57%	62%	54%
Hệ số vốn chủ sở hữu/ Tổng tài sản	26%	41%	43%	38%	46%
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu (lần)	2,90	1,45	1,32	1,62	1,18

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2013-2016, BCTC 9 tháng 2017 do Tổng Công ty tự lập

3.3. Phân tích vị thế của Tổng Công ty

Hoạt động cốt lõi của Tổng Công ty là đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên kết; do đó vị thế của các đơn vị này sẽ góp phần hình thành nên vị thế của Tổng Công ty so với các công ty khác.

Danh mục đầu tư của Tổng Công ty được phân thành hai nhóm ngành chính như sau:

3.3.1. Nhóm ngành dịch vụ:

3.3.1.1. Dịch vụ sân golf:

Hiện tại, Tổng Công ty đang đầu tư vào ba công ty cung cấp dịch vụ sân golf, bao gồm:

- **Công ty TNHH sân Golf Palm Sông Bé (sở hữu sân golf Sông Bé Golf Resort):** hoạt động từ năm 1994, là sân golf đầu tiên tại Việt Nam đạt tiêu chuẩn cho giải Vô địch quốc tế tại Việt Nam. Sân Golf Sông Bé được xem là một trong những sân khó và lý thú nhất trong khu vực. Trong đó, sân Desert được đánh giá cao, lạ, thử thách và đẹp so với các sân golf tại Việt Nam. Sân golf 27 lỗ được đánh giá là phù hợp với các tiêu chuẩn của Hiệp hội Golf Hoa Kỳ/Singapore.
- **CTCP Phát triển Phú Mỹ (sở hữu sân golf Twin Doves Golf Club):** sân golf Twin Doves Golf Club là sân golf đầu tiên tại miền Nam Việt Nam được thành lập dưới hệ điều hành "**Câu lạc bộ dành riêng cho hội viên**". Sân golf Twin Doves Golf Club được thiết kế bởi công ty P&Z Development, một công ty uy tín với nhiều công trình xuất sắc đã được hoàn thành tại Việt Nam.
- **CTCP Đầu tư và Phát triển Tân Thành (sở hữu sân golf Harmonie Golf Park):** nằm ở vị trí cách Tp. HCM khoảng 30 km, sân golf Harmonie Golf Park với 18 lỗ được thiết kế bởi Jim Engle - một trong những nhà thiết kế sân golf hàng đầu thế giới. Sân golf Harmonie Golf Park được đánh giá là một trong các sân golf tốt nhất Việt Nam theo IMG Prestige.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



TT	Tên sân golf	Vị trí	Khoảng cách từ HCM (km)	Diện tích (ha)	Số lỗ golf	Doanh thu năm 2017 ước tính (triệu đồng)	Lợi nhuận/(lỗ) năm 2017 ước tính (triệu đồng)	Kế hoạch doanh thu năm 2018 (triệu đồng)	Số lượng hội viên
1	Golf Palm Sông Bé	P. Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương	25	104	27	128.000	(5.234)	145.825	1.058
2	Twin Doves Golf Club	P. Phú Hòa, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương	32	165	27	146.945	(65.000)	162.000	288
3	Harmonie Golf Park	P. Phú Hòa, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương	32	145	18	Đang trong giai đoạn chạy thử, doanh thu phát sinh không đáng kể	Đang trong giai đoạn chạy thử	Đang trong giai đoạn chạy thử	750 (dự kiến)
4	Việt Nam Golf & Country Club	P. Long Thạnh Mỹ, Q. 9, Tp. HCM	20	300	36	n/a	n/a	n/a	n/a
5	Long Thanh Golf Resort	xã Phước Tân, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai	30	350	36	n/a	n/a	n/a	Gần 1.000

Nguồn: Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương

3.3.1.2. Dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe

Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương đầu tư vào Bệnh viện Quốc tế Hạnh Phúc. Bệnh viện Quốc tế Hạnh Phúc bắt đầu đón những bệnh nhân đầu tiên từ ngày 03/01/2011, với mong muốn trở thành nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe dành cho phụ nữ và trẻ em hàng đầu ở Việt Nam và trong khu vực. Bệnh viện Quốc tế Hạnh Phúc là bệnh viện đầu tiên theo tiêu chuẩn Singapore tại Việt Nam.

TT	Tên công ty	Vị trí	Diện tích (ha)	Số giường phục vụ	Doanh thu năm 2017 ước tính (triệu đồng)	Lợi nhuận năm 2017 ước tính (triệu đồng)	Kế hoạch doanh thu năm 2018 (triệu đồng)	Dịch vụ chuyên sâu
1	Bệnh viện Quốc tế Hạnh Phúc	TX. Thuận An, Bình Dương	1,4	260	424.000	5.800	480.000	dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe toàn diện dành cho phụ nữ và trẻ em

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



TT	Tên công ty	Vị trí	Diện tích (ha)	Số giường phục vụ	Doanh thu năm 2017 ước tính (triệu đồng)	Lợi nhuận năm 2017 ước tính (triệu đồng)	Kế hoạch doanh thu năm 2018 (triệu đồng)	Dịch vụ chuyên sâu
2	Bệnh viện quốc tế Becamex	TX. Thuận An, Bình Dương	12,76	300	n/a	n/a	n/a	dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đa khoa

Nguồn: Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương

3.3.1.3. Dịch vụ logistic

Công ty TNHH YCH-Protrade là một liên doanh giữa YCH Group (Singapore) và Protrade (Việt Nam) có trụ sở chính đặt tại tỉnh Bình Dương. Công ty TNHH YCH-Protrade là một trong các công ty sở hữu hệ thống kho hiện đại nhất Việt Nam có vị trí chiến lược nằm phía sau KCN Sóng Thần và KCN Việt Nam Singapore và chỉ cách sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất 17 km. Sở hữu hệ thống kho với công nghệ cao và thân thiện với môi trường, Công ty TNHH YCH-Protrade là công ty đầu tiên nhận được chứng nhận LEED (chứng nhận bởi Hội đồng công trình xanh Hoa Kỳ) tại Việt Nam.

TT	Tên công ty	Vị trí	Diện tích kho sở hữu (m2)	Quy mô quản lý kho (m2)	Doanh thu 2017 ước tính (triệu đồng)	Lợi nhuận 2017 ước tính (triệu đồng)	Kế hoạch doanh thu 2018 (triệu đồng)
1	YCH Protrade	nằm gần KCN Sóng Thần, KCN VSIP và cách sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất 17 km.	69.000	100.000	604.000	27.500	845.600

Nguồn: Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương

3.3.1.4. Dịch vụ cho thuê hạ tầng khu công nghiệp

Khu công nghiệp Quốc tế Protrade nằm trong khu đô thị tổng hợp của Khu phức hợp Công nghiệp và Dịch vụ An Tây. Ngoài đất nền với nhiều diện tích tùy chọn, Công ty còn cung cấp nhà xưởng xây sẵn hoặc xây theo yêu cầu.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



TT	Tên công ty	Khoảng cách từ KCN tới Tp. HCM (km)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ lấp đầy	Khách hàng	Doanh thu 2017 ước tính (triệu đồng)	Lợi nhuận 2017 ước tính (triệu đồng)	Kế hoạch doanh thu 2018 (triệu đồng)	Tiện ích
1	KCN Quốc tế Protrade	40	500	75%	Nhật, Đài Loan, Việt Nam.	240.000	50.000	chưa công bố	Khu dân cư, khu công nghiệp
2	KCN VSIP II mở rộng	35	1.000	80%	Đài Loan, Trung Quốc, Việt Nam	n/a	n/a	n/a	khu dân cư, khu logistic và khu công nghiệp
3	KCN Nam Tân Uyên mở rộng	60	289	100% (2018 mở rộng thêm khoảng 320 ha)	Đài Loan, Trung Quốc, Việt Nam	146.113	142.481	chưa công bố	khu công nghiệp
4	KCN Sóng Thần 3	35	530	70%	Đài Loan, Trung Quốc, Việt Nam	n/a	n/a	n/a	Khu công nghiệp
5	KCN Đất Cuốc	50	553	Khu A: 80%; Khu B: đang triển khai	Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Malaysia, Vietnam	n/a	n/a	n/a	Khu thương mại-dịch vụ, khu dân cư, khu công nghiệp

Nguồn: Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương

3.3.2. Nhóm ngành sản xuất

3.3.2.1. Ngành chế biến gỗ

Công ty cổ phần Hưng Vượng chuyên sản xuất đồ gỗ nội thất xuất khẩu 100% sang thị trường Nhật Bản. Ngoài ra, Công ty đang đầu tư vào một số lĩnh vực: chăm sóc sức khỏe, dịch vụ sân golf, trồng cây cao su và đầu tư tài chính.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



TT	Tên công ty	Diện tích nhà máy	Quy mô sản xuất	Sản phẩm	Vốn điều lệ 30/9/2017 (triệu đồng)	Doanh thu 9T.2017 (triệu đồng)	Lợi nhuận 9T.2017 (triệu đồng)	Kế hoạch doanh thu 2018 (triệu đồng)
1	CTCP Hưng Vượng	58.000 m2	3.000 container 40ft/năm	Tủ tivi, tủ bếp, bàn, ghế	150.000	352.000	20.000	558.000
2	CTCP Tập Đoàn Nghệ Trường Thành	8 nhà máy với tổng diện tích khoảng 400.000 m2.	5.500 container 40ft/năm	Nội thất, Ngoại thất, Ván sàn và Particle Board	1.446.078	756.176	4.144	Chưa công bố
3	CTCP Chế biến Gỗ Đức Thành	2 nhà máy với tổng diện tích khoảng 38.000 m2	10.000 m3 gỗ thành phẩm hàng năm	Nhà bếp, gia dụng, bàn ghế, đồ chơi trẻ em	149.094	267.337	79.272	Chưa công bố

Nguồn: Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương

3.3.2.2. Ngành may mặc

CTCP May mặc Bình Dương chuyên sản xuất áo sơ mi, quần jean, quần âu xuất khẩu với tổng công suất hơn 10 triệu đơn vị mỗi năm, giữ vị trí hàng đầu trong ngành dệt may xuất khẩu trong nước và có vị trí cạnh tranh trong khu vực.

TT	Tên công ty	Năng lực sản xuất	Sản lượng hàng năm (triệu chiếc)	Loại sản phẩm	Số lượng lao động (người)	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Doanh thu 2017 (triệu đồng)	Lợi nhuận 2017 (triệu đồng)	Kế hoạch doanh thu 2018 (triệu đồng)
1	CTCP May Bình Dương	4 nhà máy với 17 dây chuyền may.	10	Quần jean, áo sơ mi	2.500	120.000	1.409.682	75.462	1.400.000
2	CTCP May Sài Gòn 3	6 nhà máy với 38 dây chuyền may	10	Quần Jean, Kaki và quần thể thao	2.800	230.000	1.963.000 (kế hoạch)	67.000 (kế hoạch)	n/a

Nguồn: Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

3.3.2.3. Ngành sản xuất và chế biến sữa

FrieslandCampina Việt Nam là công ty liên doanh được thành lập từ năm 1995 tại Việt Nam giữa Protrade và Royal FrieslandCampina – tập đoàn sữa hàng đầu tại Hà Lan với 140 năm kinh nghiệm hoạt động trên toàn thế giới.

TT	Tên công ty	Quy mô đàn bò sữa 2017	Sản lượng thu mua (tấn sữa/ngày)	Sản phẩm	Nguồn vốn 30/9/2017 (triệu đồng)	Doanh thu 9T.2017 (triệu đồng)	Lợi nhuận 9T.2017 (triệu đồng)	Kế hoạch doanh thu 2018 (triệu đồng)
1	Friesland Campina Việt Nam	n/a	170	Sữa nước, sữa chua, sữa bột, sữa đặc	295.000	7.070.968	653.219	10.122.000
2	Vinamilk	140.000	750	Sữa nước, sữa chua, sữa bột, sữa đặc, nước giải khát, kem ăn, phô mai, sữa đậu nành	14.514.000	38.691.000	8.549.000	Chưa công bố
3	Tập đoàn TH	45.000	n/a	Thực uống thảo dược, phomat, bơ, sữa tươi, sữa chua.	n/a	n/a	n/a	n/a

Nguồn: Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương

3.3.2.4. Ngành sản xuất giấy

Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú được thành lập từ năm 1979 với thế mạnh là sản xuất bột giấy từ nguồn nguyên liệu tại chỗ là tre nứa, lồ ô. Đến năm 1985 công ty chuyển sang sản xuất giấy bao bì phục vụ công nghiệp cho đến nay.

TT	Tên công ty	Sản lượng hàng năm (tấn)	Sản phẩm	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Doanh thu năm 2017 (triệu đồng)	Lợi nhuận năm 2017 trước thuế (triệu đồng)	Doanh thu kế hoạch 2018 (triệu đồng)
1	Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	23.000	Giấy carton ruột	20.000	215.596	20.108	212.750

Nguồn: Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



PHẦN V: THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Giới thiệu về doanh nghiệp sau cổ phần hóa

1.1. Thông tin chung về doanh nghiệp sau cổ phần hóa

- Tên tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG - CÔNG TY CỔ PHẦN
- Tên tiếng Anh: BINH DUONG PRODUCING AND TRADING GOODS CORPORATION
- Tên viết tắt: PROTRADE
- Trụ sở khi CPH: A128, đường 3-2, P. Lái Thiêu, TX. Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- Điện thoại: 0274 3755243 Fax: 0274 3755040
- Website: www.Protrade.com.vn
- Logo:



1.2. Hình thức pháp lý

Sau khi cổ phần hóa, Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương sẽ hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014.

1.3. Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau cổ phần hóa

Tổng Công ty sẽ giữ nguyên ngành nghề kinh doanh như trước đây và các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của Pháp luật hiện hành.

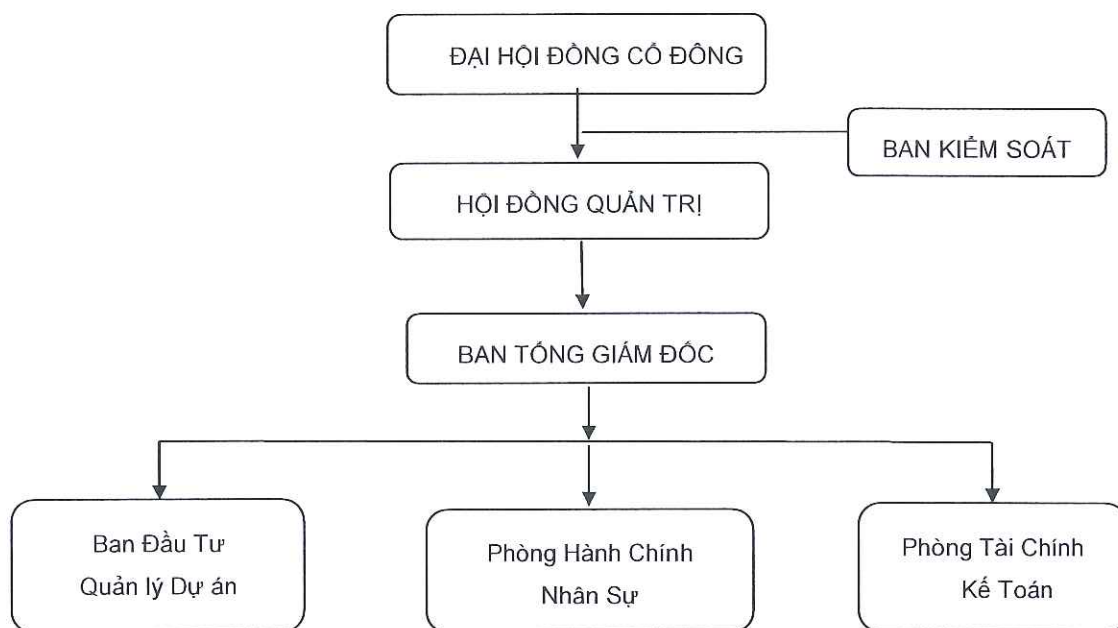
1.4. Cơ cấu tổ chức điều hành doanh nghiệp

Bộ máy điều hành: Nguyên tắc tổ chức cơ cấu bộ máy điều hành là gọn, nhẹ, chất lượng và hiệu quả đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ điều hành sản xuất kinh doanh trong toàn doanh nghiệp.

- Ban Tổng Giám đốc: 3 người
- Phòng Tài chính – Kế toán: 6 người
- Phòng Nhân sự và Quản trị: 7 người
- Phòng Đầu tư và Quản lý dự án: 7 người
- Bộ phận hỗ trợ: 61 người
- Xí nghiệp cơ điện lạnh: 42 người

Sơ đồ tổ chức của Tổng Công ty sau cổ phần hóa như sau:

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Nguồn: Phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương

2. Các dự án đầu tư sau cổ phần hóa

Sau khi cổ phần hóa và tiếp nhận các nguồn lực mới từ các nhà đầu tư chiến lược cũng như các nhà đầu tư bên ngoài, Tổng Công ty tiếp tục kiện toàn nguồn nhân lực nội tại cũng như tranh thủ nguồn lực từ bên ngoài để có thể đầu tư cho các dự án đã được định hướng là trọng tâm cho giai đoạn 5 năm tiếp theo. Các dự án đầu tư cụ thể của Tổng Công ty và các công ty con/ công ty liên kết sau cổ phần hóa như sau:

1. CÔNG TY TNHH MTV QUỐC TẾ PROTRADE

Tiếp tục thực hiện dự án mở rộng khu công nghiệp thêm 600 ha, nâng tổng diện tích toàn khu công nghiệp lên 1.100 ha và dự án khu thương mại dịch vụ nằm trong dự án Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ An Tây.

2. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GIẤY VĨNH PHÚ

Đầu tư dây chuyền máy móc thiết bị mới được nhập chủ yếu từ Châu Âu và Đài Loan.

3. CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, nâng cao tay nghề công nhân nhằm mở rộng thị trường sang Nhật Bản, các nước Châu Âu.

4. CÔNG TY TNHH YCH – PROTRADE

Tiếp tục đầu tư giai đoạn 2 với diện tích 2,9 ha kho hỗn hợp, bao gồm kho lạnh và kho thông thường (Nhà kho hiện hữu đã cho thuê và vận hành trên 70% giai đoạn 1 với diện tích khoảng 4 ha). Đầu tư thêm phương tiện vận tải để vận chuyển các sản phẩm và nguyên liệu cho khách hàng.



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

3. Kế hoạch kinh doanh hợp nhất sau cổ phần hóa:

Đvt: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Doanh thu	1.262.000	1.323.000	1.139.000 *
	Tốc độ tăng trưởng doanh thu		5%	-14%
2	Lợi nhuận sau thuế	164.800	173.800	183.300
	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	13%	13%	16%
	Trích các quỹ	41.200	43.450	45.825
	-Quỹ đầu tư phát triển (15%)	24.720	26.070	27.495
	-Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%)	16.480	17.380	18.330
	Lợi nhuận chia cổ tức	123.600	130.350	137.475
	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	4,12%	4,35%	4,58%
3	Vốn điều lệ	3.000.000	3.000.000	3.000.000
	Tỷ suất lợi nhuận / Vốn điều lệ	5,49%	5,79%	6,11%
4	Số lao động (người)	126	126	126

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương

(*) Ghi chú: doanh thu hợp nhất năm 2020 giảm 14% so với năm trước với nguyên nhân chủ yếu là sụt giảm doanh thu cho thuê đất của Khu công nghiệp quốc tế Protrade vì đã cho thuê hết diện tích đất theo kế hoạch kinh doanh.

Các giải pháp thực hiện:

Nhằm đạt được kế hoạch kinh doanh sau cổ phần hóa, Tổng Công ty tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại các công ty con, công ty liên doanh/ liên kết, cụ thể như sau:

➤ Đối với các công ty con:

▪ CÔNG TY TNHH MTV QUỐC TẾ PROTRADE

- ✓ Tiếp tục tổ chức các đợt xúc tiến đầu tư ở các quốc gia như Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Châu Âu... để kêu gọi các doanh nghiệp đầu ngành có các tiêu chí xanh-sạch, phù hợp với định hướng của Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade đầu tư vào khu công nghiệp.
- ✓ Tăng cường đầu tư các khu đất dịch vụ và thương mại, tiện ích: như nhà xưởng xây sẵn, nhà xưởng theo yêu cầu, văn phòng cho thuê, khu thương mại và nhà ở công nhân.
- ✓ Đầu tư dịch vụ logistic để hỗ trợ tối đa tiện ích cho nhà đầu tư trong khu công nghiệp nhằm nâng cao giá trị dịch vụ và thương hiệu của chủ đầu tư.



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GIẤY VĨNH PHÚ**
 - ✓ Mở rộng thị trường, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa chủng loại sản phẩm.
 - ✓ Đầu tư dây chuyền máy móc thiết bị mới được nhập khẩu chủ yếu từ Châu Âu và Đài Loan.
- **CÔNG TY TNHH SÂN GOLF PALM SÔNG BÉ:**
 - ✓ Cải tạo và nâng cấp sân gôn Palm Sông Bé nhằm thu hút các gôn thủ tiềm năng trải nghiệm dịch vụ gôn đẳng cấp, độc đáo và các dịch vụ khác đi kèm.
 - ✓ Đưa sân gôn Harmonies Golf Park đi vào hoạt động trong tương lai gần nhằm đa dạng hóa lựa chọn cho người chơi gôn.
 - ✓ Triển khai nghiên cứu tính khả thi của các dự án bất động sản trong sân gôn như khách sạn tiêu chuẩn từ 4-5 sao, khu nhà ở cao cấp, khu căn hộ cao tầng, khu dân cư thương mại phức hợp và trung tâm hội nghị, triển lãm đẳng cấp quốc tế.
- **Đối với các công ty liên doanh, liên kết:**
 - **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**
 - ✓ Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, nâng cao tay nghề công nhân nhằm mở rộng thị trường sang Nhật Bản, các nước Châu Âu,... và nhằm đón đầu Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).
 - **CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ HẠNH PHÚC**
 - ✓ Nâng cao chất lượng chăm sóc, các dịch vụ y tế, đầu tư thêm máy móc thiết bị chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng
 - ✓ Trở thành Bệnh viện hàng đầu tại Việt Nam và Châu Á trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe toàn diện dành cho phụ nữ và trẻ em thông qua sự hợp tác với Công ty cổ phần Dịch vụ Sức khỏe Hoàn Mỹ.
 - **CÔNG TY TNHH YCH – PROTRADE**
 - ✓ Tiếp tục đầu tư giai đoạn 2 với diện tích 2,9 ha kho hỗn hợp, bao gồm kho lạnh và kho thông thường (Nhà kho hiện hữu đã cho thuê và vận hành trên 70% giai đoạn 1 với diện tích khoảng 4 ha) nhằm tiếp nhận quản lý, vận hành kho cho một số khách hàng như: TH milk, Pernod Ricard, Pepsi, General Motor.... Đầu tư thêm phương tiện vận tải để vận chuyển các sản phẩm và nguyên liệu cho khách hàng.
 - **CÔNG TY TNHH FRIESLAND CAMPINA VIỆT NAM**
 - ✓ Nghiên cứu đưa ra các sản phẩm mới, với hàm lượng dinh dưỡng cao, đáp ứng thị hiếu của thị trường Việt Nam. Tập trung mở rộng sản xuất, mở rộng thị phần.
 - **CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG VƯỢNG**
 - ✓ Ngoài lĩnh vực chính là sản xuất đồ gỗ nội thất xuất khẩu 100% sang thị trường Nhật Bản, Công ty cổ phần Hưng Vượng đang hướng đến chinh phục thị trường trong nước, Mỹ và



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Châu Âu. Do đó, Công ty tiếp tục đầu tư máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn và yêu cầu ngày càng cao của thị trường Nhật Bản, Mỹ và Châu Âu, chú trọng đầu tư nhân lực chất lượng cao, đưa ra các thiết kế đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng, nâng cao chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, Công ty cổ phần Hưng Vượng định hướng phát triển công ty đa ngành nghề có sự hỗ trợ cho nhau, tạo thành chuỗi giá trị khép kín nhằm nâng cao giá trị cho cổ đông của Công ty.

4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

4.1. Vốn điều lệ

Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương tại thời điểm 31/12/2015 để cổ phần hóa là 1.773.933.791.799 đồng. Tuy nhiên, từ thời điểm 31/12/2015 đến năm 2017, lợi nhuận sau thuế còn tồn tại Tổng Công ty chưa được giải quyết. Do đó, Thường trực Tỉnh ủy đồng ý tăng vốn cho Tổng công ty lên mức 3.000 tỷ đồng từ lợi nhuận sau thuế khi xác định vốn điều lệ để cổ phần căn cứ theo Thông báo số 376-TB/TU ngày 4/12/2017 của Văn phòng Tỉnh ủy Bình Dương.

Vốn điều lệ: 3.000.000.000.000 đồng (Ba ngàn tỷ đồng), tương ứng 300.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Căn cứ Quyết định số 3332/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND tỉnh Bình Dương về việc cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương và Quyết định số 3706/QĐ-UBND của Tỉnh ủy tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương thì cơ cấu vốn điều lệ cụ thể như sau:

- Vốn nhà nước tham gia Công ty cổ phần chiếm 50% là 1.500 tỷ đồng.
- Vốn cổ đông tham gia Công ty cổ phần chiếm 50% là 1.500 tỷ đồng.

4.2. Cơ cấu vốn điều lệ

Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến như sau:

TT	Cổ đông	Số lượng (cổ phần)	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ %
1	Nhà nước	150.000.000	1.500.000.000.000	50,00%
2	CBCNV mua ưu đãi	272.600	2.726.000.000	0,09%
2.1	<i>Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước</i>	110.700	1.107.000.000	0,04%
2.2	<i>Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần</i>	161.900	1.619.000.000	0,05%
3	Nhà đầu tư chiến lược	119.727.400	1.197.274.000.000	39,91%
4	Nhà đầu tư khác	30.000.000	300.000.000.000	10,00%
Tổng cộng		300.000.000	3.000.000.000.000	100,00%

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

4.3. Loại cổ phần

Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP.

Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

PHẦN VI: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Phương thức chào bán cổ phần

Theo phương án cổ phần hóa được duyệt, đối tượng chào bán và phương thức chào bán cổ phần như sau:

TT	Đối tượng chào bán	Giá bán	Số lượng chào bán	Tỷ lệ % vốn điều lệ
1	CBCNV mua ưu đãi		272.600	0,09%
1.1	Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước	Bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất	110.700	0,04%
1.2	Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần	Bằng giá đấu thành công thấp nhất	161.900	0,05%
2	Nhà đầu tư chiến lược	Bằng giá đấu thành công thấp nhất	119.727.400	39,91%
3	Nhà đầu tư tham gia đấu giá	Giá khởi điểm đấu giá là 12.000 đồng/cổ phần	30.000.000	10,00%
Tổng cộng			150.000.000	50,00%

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương

1.1. Đối với người lao động

1.1.1. Đối tượng người lao động được mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc tại khu vực Nhà nước:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)”. Cụ thể:

- Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động Tổng Công ty ngày 30/11/2017 (thời điểm UBND tỉnh Bình Dương công bố giá trị doanh nghiệp Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương để cổ phần hóa) là: 136 người, trong đó có 27 người không được mua cổ phần ưu đãi theo thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước vì chưa đủ thời gian công tác theo quy định.



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Tổng số năm công tác toàn bộ số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: 1.107 năm.
- Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: sau khi tổ chức bán đấu giá công khai ra công chúng.
- Giá bán: **bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất.**

1.1.2. Đối tượng người lao động được mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần

Theo quy định tại Khoản 2c Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì số lượng cổ phần được mua như sau “*Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động. Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao làm việc tại doanh nghiệp được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động. Doanh nghiệp cổ phần hóa căn cứ đặc thù ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của mình xây dựng và quyết định các tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao và phải được nhất trí thông qua tại Đại hội công nhân viên chức của doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa*”

- Tổng Công ty có 69 CBCNV đăng ký mua với tổng số cổ phần là cam kết là 161.900 cổ phần, tương ứng 1.619.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm mười chín triệu đồng) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ của công ty cổ phần.
- Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: sau khi tổ chức bán đấu giá công khai ra công chúng.

Theo quy định tại Khoản 2c Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP: “*Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ, được xác định là giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)*”.

Giá bán: là giá đấu thành công thấp nhất vì Tổng Công ty bán đấu giá công khai trước.

1.2. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược:

Theo Phương án cổ phần hóa được duyệt, tổng số cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược là 119.727.400 cổ phần, tương ứng 1.197.274.000.000 đồng (Bằng chữ: Một ngàn một trăm chín mươi bảy tỷ, hai trăm bảy mươi bốn triệu đồng), chiếm 39,91% vốn điều lệ của công ty cổ phần.

Danh sách nhà đầu tư chiến lược:

Đvt: triệu đồng

TT	Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn CSH tại 31/12/2016	Tổng tài sản tại 31/12/2016	Tỷ lệ cổ phần đăng ký
1	Công ty Cổ phần SAM Holdings	Số 152/11B Điện Biên Phủ, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP HCM	2.425.192	3.664.556	13,00%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư U&I	Số 9 Ngô Gia Tự, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương	477.410	529.150	6,00%



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

3	Công ty TNHH Phát Triển	Số 123 Bùi Văn Bình, P. Phú Lợi, Tp Thủ Dầu Một, Bình Dương	87.695	475.772	20,91%
---	-------------------------	---	--------	---------	--------

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương

Giá bán cho nhà đầu tư chiến lược: **bằng giá đấu thành công thấp nhất.**

1.3. Đối với nhà đầu tư tham dự đấu giá:

- Số lượng cổ phần chào bán: 30.000.000 cổ phần, tương ứng 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng), chiếm 10% vốn điều lệ.
- Thời gian đấu giá: dự kiến tháng 3.2018.
- Tổ chức thực hiện bán đấu giá công khai tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.
- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.
- Giá khởi điểm: **12.000 đồng/cổ phần**

2. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá

2.1. Kế hoạch quản lý, sử dụng tiền thu từ đợt bán cổ phần

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa được thực hiện theo Điều 42 Nghị định 59/2011/NĐ-CP và Mục III Thông tư 196/2011/TT-BTC.

Số tiền thu từ bán một phần vốn Nhà nước sau khi trừ đi chi phí cổ phần hóa được nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Chi tiết chi phí cổ phần hóa doanh nghiệp như sau:

STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	CHI PHÍ (Đồng)
A.	Các khoản chi phí trực tiếp tại doanh nghiệp	820.000.000
1	Chi phí cho việc tập huấn nghiệp vụ về cổ phần hóa doanh nghiệp	-
2	Chi phí kiểm kê, đánh giá xác định giá trị tài sản	-
3	Chi phí Đại hội CNVC-LĐ để triển khai cổ phần hóa	-
4	Chi phí hoạt động tuyên truyền, công bố thông tin cổ phần hóa	-
5	Chi phí Đại hội cổ đông lần đầu	500.000.000
6	Chi phí tổ chức bán đấu giá*	300.000.000
7	Chi phí đăng báo	20.000.000
B.	Chi phí thuê tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp và thuê tư vấn bán cổ phần	2.050.000.000
1	Chi phí thuê tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp	950.000.000
2	Chi phí thuê tư vấn lập Phương án cổ phần hóa và bán đấu giá	1.100.000.000

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



C.	Chi phí hoạt động và thù lao Ban chỉ đạo cổ phần hoá và Tổ giúp việc	986.000.000
1	Thù lao Ban chỉ đạo	637.500.000
2	Thù lao Tổ giúp việc	351.000.000
	TỔNG CỘNG	3.856.000.000

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương

(*) Chi phí tổ chức bán đấu giá phải trả cho Sở giao dịch chứng khoán được xác định bằng 0,3% trên tổng giá trị cổ phần chào bán thành công nhưng tối thiểu là 20.000.000 đồng/1 cuộc đấu giá và không vượt quá 300.000.000 đồng/1 cuộc đấu giá theo quy định tại Thông tư số 09/2014/TT-BTC ngày 16/1/2014 quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bán đấu giá.

3. Phân tích rủi ro dự kiến

3.1. Rủi ro về kinh tế

Nền kinh tế trong nước và thế giới chịu sự tác động của rất nhiều yếu tố dẫn đến sự không ổn định trong thời gian vừa qua. Điều này đã tác động không nhỏ tới tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Tổng Công ty nói riêng.

Tuy nhiên, với các tín hiệu phục hồi nền kinh tế Việt Nam như tăng trưởng GDP tăng đều hàng năm, năm 2014 đạt 5,98%, năm 2015 đạt 6,68%, năm 2016 đạt 6,21% và năm 2017 đạt 6,81%. Tỷ lệ lạm phát được kiểm soát tốt ở mức 4,74% năm 2016 và dưới 4% năm 2017. Chính điều này sẽ góp phần tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong thời gian tới.

3.2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro luật pháp là rủi ro phát sinh do việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Hiện nay hệ thống pháp luật của nước ta chưa ổn định và nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn nhiều sửa đổi bổ sung dẫn đến có nhiều sự thay đổi và có thể phát sinh bất cập, ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Do vậy, để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Tổng Công ty luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của mình, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Tổng Công ty.

3.3. Rủi ro đặc thù

Phản hoạt động cốt lõi của Tổng Công ty là đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết. Do đó những rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của các công ty này cũng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổng Công ty.

Kết quả của việc đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết là cổ tức hoặc lợi nhuận được phân chia và thậm chí là các khoản lỗ từ các công ty trên. Cổ tức và Lợi nhuận được chia hay các khoản lỗ phụ thuộc



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

vào kết quả hoạt động kinh doanh cũng như triển vọng phát triển của các công ty mà Tổng Công ty đang đầu tư. Tổng Công ty với tư cách là công ty mẹ và cổ đông lớn sẽ tối ưu hóa các nguồn lực và khả năng của mình nhằm hỗ trợ, định hướng hoạt động kinh doanh của các công ty con và công ty liên kết. Qua đó giúp cho kết quả hoạt động kinh doanh tại các công ty này tốt hơn và từ đó mang lại lợi ích cho Tổng Công ty.

3.4. Rủi ro đợt chào bán

Đợt chào bán lần đầu ra công chúng của Tổng Công ty có rủi ro là không bán hết lượng cổ phần chào bán. Việc chào bán thành công phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố như: diễn biến thị trường chứng khoán Việt Nam tại thời điểm chào bán, tâm lý nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn của cổ phiếu Tổng Công ty. Do đó, có thể có rủi ro là không bán hết lượng cổ phần chào bán.

3.5. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, hoạt động của Tổng Công ty có thể chịu ảnh hưởng của thiên tai như động đất, dịch bệnh, lũ lụt... mà khi xảy ra có thể gây thiệt hại tài sản của Tổng Công ty cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của Tổng Công ty.

PHẦN VII: KẾT LUẬN

Bản công bố thông tin được cung cấp cho nhà đầu tư nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá tài sản, nguồn vốn, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Tổng Công ty trước khi đăng ký mua cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở Phương án cổ phần hóa đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt và các thông tin, số liệu do Tổng Công ty cung cấp theo quy định, đảm bảo tính công khai, minh bạch và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư. Việc đánh giá, lựa chọn thông tin và ngôn từ trong Bản công bố thông tin này được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng.

Chúng tôi cũng không thực hiện phân tích, đưa ra bất kỳ ý kiến đánh giá nào với hàm ý đảm bảo giá trị cổ phiếu. Nhà đầu tư khi đầu tư phải tự đưa ra ý kiến và tự chịu trách nhiệm về các quyết định của mình. Do đó, nhà đầu tư trước khi tham gia đấu giá cần tìm hiểu thêm thông tin về doanh nghiệp, cũng như việc tham gia phải bảo đảm rằng việc đăng ký mua hay thực hiện giao dịch được/sẽ thanh toán bằng nguồn tiền hợp pháp, đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

PHẦN VIII: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa

- Ông Trần Thanh Liêm Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương - Trưởng ban
- Ông Trần Nguyên Vũ Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Sản xuất – Xuất Nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV - Phó ban thường trực
- Ông Ngô Dũng Phương Trưởng phòng Tài chính Đảng Văn phòng Thành ủy – Thành viên
- Bà Nguyễn Kim Liên Chi cục trưởng Chi cục Tài chính doanh nghiệp – Thành viên
- Ông Phạm Văn Tuyên Phó Giám Đốc Sở Lao động Thương binh Xã hội – Thành viên
- Ông Huỳnh Công Phát Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Sản xuất – Xuất Nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV – Thành viên
- Ông Huỳnh Thanh Hải Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Sản xuất – Xuất Nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV – Thành viên
- Ông Phạm Xuân Ngọc Phó Giám Đốc Sở Tài nguyên Môi trường – Thành viên

2. Đại diện tổ chức thực hiện đấu giá

- Ông Trần Nguyên Vũ Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV

3. Đại diện tổ chức tư vấn cổ phần hóa

- Ông Tô Hải Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt

Bình Dương, ngày tháng năm 2018

**TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT – XUẤT NHẬP
KHẨU BÌNH DƯƠNG TNHH MTV**

CHỦ TỊCH KIỂM TÓNG GIÁM ĐỐC

**THAY MẶT TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO
PHÓ BAN THƯỜNG TRỰC**

TRẦN NGUYỄN VŨ

**TỔNG CÔNG TY
SẢN XUẤT
XUẤT NHẬP KHẨU
BÌNH DƯƠNG**

TRẦN NGUYỄN VŨ

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN THỨ HAI RA CÔNG CHÚNG TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG TNHH MTV



Tổ chức bán đấu giá:

Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở chính: 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3 821 7713 Fax: (84-8) 3 821 7452

Tổ chức phát hành:

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV

Địa chỉ: A128 đường 3-2, KP Đông Tư, P. Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Bình Dương

Điện thoại: 0274. 3755243 - 3755039 – 3755342 Fax: 0274. 3755040

Tổ chức tư vấn:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt

Trụ sở chính: Tháp tài chính Bitexco, lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 3914 3588 Fax: (84-8) 3914 3209

TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG TNHH MTV

(Giấy ĐKKD số 3700148166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Dương cấp lần đầu ngày 15/11/2010 và thay đổi đăng ký lần thứ 02 ngày 27/5/2015)

CHÀO BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN THỨ HAI RA CÔNG CHÚNG

- Tên cổ phần : Cổ phần Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Giá khởi điểm : **18.000 đồng/cổ phần**
- Tổng số lượng cổ phần chào bán ra bên ngoài theo hình thức đấu giá : **32.927.400 cổ phần**
- Đặt cọc : **10%** giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua theo giá khởi điểm
- Đối tượng tham gia : Các tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần ra công chúng của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV
- Tổ chức bán đấu giá cổ phần : Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
- Thời gian tổ chức đấu giá : **Ngày 05.10.2018**
- Địa điểm tổ chức đấu giá : Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP.HCM



MỤC LỤC

PHẦN I: CƠ SỞ PHÁP LÝ	3
PHẦN II: CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐÁU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN HAI	5
1. Tổ chức chào bán	5
2. Tổ chức thực hiện đấu giá cổ phần	5
3. Tổ chức tư vấn	5
PHẦN III: CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT	6
PHẦN IV: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA	7
1. Giới thiệu về Công ty	7
1.1. Ngành nghề kinh doanh	7
1.2. Quá trình hình thành và phát triển	10
1.2.1. Giai đoạn 1982 - 2002	10
1.2.2. Giai đoạn 2003 - 2015	11
1.3. Các thành tựu đã đạt được trong quá trình hoạt động của Tổng Công ty	12
1.4. Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương:	12
1.5. Người lao động	13
1.6. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa	13
1.7. Thực trạng về đất đai đang sử dụng tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp:	16
1.8. Chủ sở hữu, danh sách các công ty con và công ty liên kết của tổ chức phát hành	19
1.8.1. Chủ sở hữu của tổ chức phát hành:	19
1.8.2. Danh sách các công ty con của tổ chức phát hành tại thời điểm 31/12/2015:	19
1.8.3. Danh sách các công ty liên kết của tổ chức phát hành tại thời điểm 31/12/2015:	22
2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trước khi cổ phần hóa	25
3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi cổ phần hóa	27
3.1. Các chỉ tiêu tài chính và kết quả kinh doanh thể hiện qua các năm	27
3.2. Đánh giá về tình hình hoạt động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trước cổ phần hóa	28
3.2.1. Đánh giá chung	28
3.2.2. Đánh giá về một số nhân tố làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty	28
3.3. Phân tích vị thế của Tổng Công ty	30
3.3.1. Nhóm ngành dịch vụ:	30
3.3.1.1. Dịch vụ sân gôn:	30
3.3.1.2. Dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe	31
3.3.1.3. Dịch vụ logistic	32
3.3.1.4. Dịch vụ cho thuê hạ tầng khu công nghiệp	32
3.3.2. Nhóm ngành sản xuất	33



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

3.3.2.1. Ngành chế biến gỗ	33
3.3.2.2. Ngành may mặc	34
3.3.2.3. Ngành sản xuất và chế biến sữa	34
3.3.2.4. Ngành sản xuất giấy	35
PHẦN V: THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA	36
1. Giới thiệu về doanh nghiệp sau cổ phần hóa	36
1.1. Thông tin chung về doanh nghiệp sau cổ phần hóa	36
1.2. Hình thức pháp lý	36
1.3. Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau cổ phần hóa	36
1.4. Cơ cấu tổ chức điều hành doanh nghiệp	36
2. Các dự án đầu tư sau cổ phần hóa	37
3. Kế hoạch kinh doanh hợp nhất sau cổ phần hóa:	38
4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ	40
4.1. Vốn điều lệ	40
4.2. Cơ cấu vốn điều lệ	40
4.3. Loại cổ phần	41
PHẦN VI: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	41
1. Phương thức chào bán cổ phần	41
1.1. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược:	41
1.1. Đối với nhà đầu tư tham dự đấu giá:	42
2. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá	43
2.1. Kế hoạch quản lý, sử dụng tiền thu từ đợt bán cổ phần	43
3. Phân tích rủi ro dự kiến	44
3.1. Rủi ro về kinh tế	44
3.2. Rủi ro về luật pháp	44
3.3. Rủi ro đặc thù	44
3.4. Rủi ro đợt chào bán	45
3.5. Rủi ro khác	45
PHẦN VII: KẾT LUẬN	45
PHẦN VIII: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	46



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

PHẦN I: CƠ SỞ PHÁP LÝ

Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần (Nghị định 126);

Văn bản số 02/VBHN-BTC ngày 12/01/2016 của Bộ Tài chính về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;

Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 Quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu có hiệu lực kể từ ngày 15/09/2015 (Nghị định 63);

Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp Nhà nước (Quyết định 37);

Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động – Thương Binh và Xã Hội về việc Hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần (Thông tư 33);

Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần (Thông tư 127);

Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần (Thông tư 196);

Thông tư 115/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 196;

Công văn số 2444/TTg-ĐMDN ngày 05/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND tỉnh Bình Dương;

Quyết định số 3332/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND tỉnh Bình Dương về việc cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương;

Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương;

Quyết định số 157/QĐ-BCĐ CPH ngày 05/02/2016 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa về việc thành lập Tổ giúp việc cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương;

Quyết định số 3027/QĐ-UBND Bình Dương ngày 31/10/2017 về việc phê duyệt phương án sử dụng đất khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương;

Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 17/07/2017 về việc phê duyệt tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, phương thức bán và số lượng cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương;



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015 ngày 17/11/2017 do Công ty Cổ phần tư vấn và thẩm định giá Đông Nam lập;

Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh Bình Dương về việc công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương;

Thông báo số 380/TB-TU ngày 21/12/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tỉnh Bình Dương về việc kết luận và chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV;

Quyết định số 3706/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương;

Thông báo số 427/TB-TU ngày 13/4/2018 của Thường trực Tỉnh ủy tỉnh Bình Dương kết luận và chỉ đạo về việc đồng ý cho bán tiếp số cổ phần mà nhà đầu tư chiến lược không mua hết và số cổ phần nhà đầu tư tham gia đấu giá thành công nhưng từ chối quyền mua;

Công văn số 1568/CV-TU ngày 4/5/2018 của Thường trực Tỉnh ủy Bình Dương về việc cho chủ trương giá khởi điểm bán cổ phần lần 2;

Quyết định 1147/QĐ-UBND ngày 7/5/2018 của UBND tỉnh Bình Dương về việc bán cổ phần lần 2 và điều chỉnh phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương – TNHH MTV;

Công văn số 9708/BTC-TCDN ngày 14/08/2018 của Bộ Tài chính về việc bán cổ phần lần 2 khi cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương – TNHH MTV;

Thông báo 491-TB/TU ngày 30/8/2018 của Thường trực Tỉnh ủy Bình Dương kết luận về chủ trương bán cổ phần lần hai của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương – TNHH MTV;

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương tháng 04 năm 2015;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700148166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 15/11/2010, thay đổi lần thứ 2 ngày 27/05/2015;

Báo cáo tài chính Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương đã kiểm toán trong các năm 2013, 2014, 2015, 2016 và 2017.



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

PHẦN II: CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN HAI

1. Tổ chức chào bán

TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG TNHH MTV

Trụ sở chính : A128 đường 3-2, KP Đông Tư, P. Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Bình Dương, VN.

Điện thoại : 0274. 3755243 - 3755039 – 3755342 Fax: 0274. 3755040

Website : www.protrade.com.vn

2. Tổ chức thực hiện đấu giá cổ phần

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : Số 16 đường Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : (84-8) 3821 7713 Fax: (84-8) 3821 7452

Website : www.hsx.vn

3. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Trụ sở chính : Tháp tài chính Bitexco, lầu 15, số 2 đường Hải Triều, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại : (84-8) 3914 3588 Fax: (84-8) 3914 3209

Website : www.vcsc.com.vn

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



PHẦN III: CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

Cổ phiếu	Cổ phiếu của Tổng Công Ty Sản Xuất - Xuất Nhập Khẩu Bình Dương
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
MTV	Một thành viên
UBND	Ủy ban nhân dân
Sở GD&ĐT TP HCM	Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh
CPH	Cổ phần hóa
BCTC	Báo cáo tài chính
Protrade	Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương
Tổng Công ty	Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CTCP	Công ty cổ phần
TTHC	Trung tâm hành chính
n/a	không áp dụng

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



PHẦN IV: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

1. Giới thiệu về Công ty

Thông tin cơ bản:

- Tên Công ty : **TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG TNHH MTV**
- Tên tiếng Anh : **BINH DUONG PRODUCING AND TRADING GOODS CORPORATION**
- Tên viết tắt : **Protrade**
- Trụ sở chính : **A128 đường 3-2, KP Đông Tư, P. Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Bình Dương, VN.**
- Điện thoại : **0274. 3755243 - 3755039 – 3755342**
- Fax : **0274. 3755040**
- Mã số thuế : **3700148166**
- Email : **protradecorp@hcm.vnn.vn**
- Logo :



1.1. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700148166 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 11 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 05 năm 2015, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty như sau:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118 (chính)
2.	Trồng cây ăn quả	0121
3.	Trồng cây điều	0123
4.	Trồng cây hồ tiêu	0124
5.	Trồng cây cao su	0125
6.	Trồng cây cà phê	0126
7.	Trồng cây chè	0127
8.	Trồng cây lâu năm khác	0129
9.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
10.	Chăn nuôi trâu, bò	0141

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



TT	Tên ngành	Mã ngành
11.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
12.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
13.	Chăn nuôi lợn	0145
14.	Chăn nuôi gia cầm	0146
15.	Chăn nuôi khác	0149
16.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
17.	Khai thác gỗ	0221
18.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
19.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
20.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
21.	Sản xuất giống thủy sản	0323
22.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
23.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
24.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
25.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
26.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
27.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
28.	May trang phục (trừ trang phục da lông thú)	1410
29.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
30.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
31.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
32.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
33.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
34.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
35.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
36.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
37.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
38.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
39.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



TT	Tên ngành	Mã ngành
40.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
41.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
42.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
43.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
44.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
45.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
46.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
47.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
48.	Rèn, đập, ép và cán kim loại; luyện bột kim	2591
49.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
50.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
51.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
52.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
53.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá	3530
54.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
55.	Xây dựng nhà các loại	4100
56.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
57.	Xây dựng công trình công ích	4220
58.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
59.	Phá dỡ	4311
60.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
61.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
62.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322
63.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
64.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
65.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
66.	Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
67.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
68.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



TT	Tên ngành	Mã ngành
69.	Bán lẻ hàng hóa khác, mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
70.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
71.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
72.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
73.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
74.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
75.	Cho thuê xe có động cơ	7710
76.	Quảng cáo	7310
77.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
78.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
79.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
80.	Hoạt động thể thao khác	9319
81.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (trừ hoạt động bến thủy nội địa)	5022
82.	Công ty phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

1.2.1. Giai đoạn 1982 - 2002

- Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương, tiền thân là Xí nghiệp sản xuất hàng cao su 3-2 Sông Bé, được thành lập theo Quyết định số 06/QĐ-TU ngày 20/10/1982 của Tỉnh ủy Sông Bé. Xí nghiệp ra đời theo chủ trương của Đảng nhằm đóng góp cho ngân sách Đảng bộ địa phương. Dựa vào thế mạnh về tài nguyên của tỉnh là cao su và bột đất cao lanh – nguyên liệu chính để sản xuất dệp xộp cao su đi biển, Xí nghiệp đã chọn làm sản phẩm chủ lực để xuất khẩu sang thị trường Liên Xô và các nước XHCN.
- CBCNV của Xí nghiệp đầu tiên chỉ 10 người được điều chuyển từ Xí nghiệp Quốc doanh chăn nuôi 2-9 sang để bắt đầu xây dựng cơ sở vật chất trên mảnh đất rộng 1,7 ha tại thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương. Chi bộ ban đầu chỉ có 03 đồng chí, các đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên chưa hình thành.
- Xí nghiệp bắt đầu hầu như từ tay trắng: không nhân lực, không vốn liếng, không chuyên môn kỹ thuật. Để nhanh chóng đi vào hoạt động, khi nhà xưởng vừa tạm thời xây xong, Xí nghiệp đã thuê gần 50 lao động người Việt gốc Hoa ở TP.Hồ Chí Minh có chuyên môn về sản xuất dệp xộp, nhanh



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

chóng lập đặt máy móc, bắt tay ngay vào sản xuất. Trên 300 lao động phổ thông tại địa phương được tuyển dụng vào vừa học vừa làm. Chỉ một thời gian ngắn xí nghiệp đã có lô hàng đầu tiên đạt tiêu chuẩn và ủy thác xuất khẩu sang Liên Xô.

- Nguồn vốn hoạt động ban đầu của xí nghiệp chỉ vọn vẹn 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) nên phải huy động từ nhiều nguồn và quay nhanh nguồn vốn, lấy ngắn nuôi dài và tích góp để phát triển từng bước vững chắc.
- Bên cạnh dây chuyền sản xuất dép xốp, năm 1983 xí nghiệp đã sớm xây dựng xưởng nước đá cây, tiêu thụ sản phẩm hàng ngày nhằm đảm bảo lượng tiền mặt giải quyết nhu cầu sản xuất và đời sống của công nhân viên đều hầu hết ăn ở tập trung tại xí nghiệp. Xí nghiệp còn mở rộng ra các xưởng phụ trợ như xưởng cưa, xưởng đóng gói bao bì, xưởng cơ khí, xưởng quai dép để chủ động sản xuất, tăng nhanh sản lượng xuất khẩu và sử dụng ngoại tệ mạnh có được (đồng Rúp) đổi hàng đổi lưu gồm những mặt hàng chiến lược để cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng thiết yếu trong tỉnh.
- Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự giúp đỡ của Ủy ban Nhân dân tỉnh và các ban ngành đoàn thể, cùng với sự nỗ lực của tập thể CBCNV đã tạo điều kiện cho xí nghiệp không ngừng vươn lên. Đến năm 1984, số CBCNV có trên 500 người. Chính vì vậy, sau 02 năm, tập thể xí nghiệp đã vinh dự đón nhận Huân chương lao động hạng III do Hội đồng Nhà nước trao tặng vào ngày 30/09/1984 và tiếp theo năm sau, xí nghiệp lại vinh dự đón nhận Huân chương lao động hạng I do Hội đồng Nhà nước trao tặng vào ngày 06/01/1985. Nhờ sự động viên lớn lao và kịp thời này nên tập thể CBCNV xí nghiệp đã giữ vững tinh thần đoàn kết, ra sức phấn đấu cộng với sự năng động, nhạy bén, “dám nghĩ, dám làm” của lãnh đạo đã vượt qua mọi khó khăn thử thách phía trước, không ngừng vươn lên.
- Từ số vốn ban đầu 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) sau hơn 20 năm hoạt động, tổng số vốn của Công ty là 271.000.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi một tỷ đồng), tăng 67.750 lần so với ban đầu. Số CBCNV đạt trên 3.300 lao động. Năm 2002, doanh thu đạt 450.5 tỷ đồng, nộp ngân sách đạt 12.5 tỷ đồng.

1.2.2. Giai đoạn 2003 - 2015

- Kể từ sau chủ trương đổi mới và chính sách kêu gọi thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư của Đảng và Nhà nước, nền kinh tế của nước ta ngày càng phát triển, vị thế của Việt Nam ngày càng được nâng lên trên trường quốc tế. Việt Nam tổ chức thành công Hội nghị thượng đỉnh các nước khu vực Châu Á – Thái Bình Dương (APEC) lần thứ 14, gia nhập và là thành viên thứ 150 của tổ chức Thương mại thế giới (WTO), đồng thời thực hiện tốt nhiệm vụ là thành viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc nhiệm kỳ 2008 - 2009. Trước cơ hội và thách thức mới, các doanh nghiệp phải phấn đấu để đứng vững và phải nhanh chóng hội nhập để tồn tại và phát triển.
- Nhằm thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 24/09/2001, Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 03/02/2004 khóa IX và Nghị Quyết Đại hội X của Đảng về sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp Nhà nước. Tỉnh ủy và UBND tỉnh Bình Dương đã thành lập Ban chỉ đạo đổi mới doanh nghiệp Nhà nước. Được sự chỉ đạo của Ban đổi mới, Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương đã từng bước thực hiện cổ phần hóa các đơn vị trực thuộc theo lộ trình và tiếp tục củng cố, phát triển các đơn vị thành viên để có đủ khả năng tự chủ trong sản xuất kinh doanh.



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- UBND tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 134/QĐ/UBND ngày 22/05/2006 chuyển Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con. Sau đó, UBND tỉnh Bình Dương tiếp tục ban hành Quyết định số 2964/QĐ-UBND ngày 04/10/2010 về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương thành Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV.

1.3. Các thành tựu đã đạt được trong quá trình hoạt động của Tổng Công ty

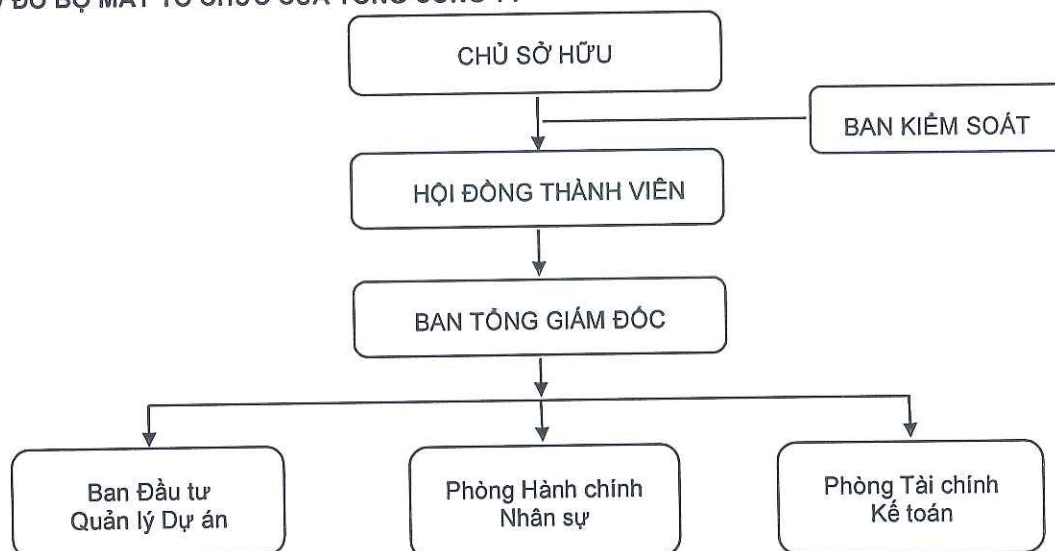
- Huân chương lao động hạng III của Chủ tịch nước ngày 30/09/1984, huân chương lao động hạng I của Chủ tịch nước ngày 16/11/1985, huân chương Anh hùng lao động của Chủ tịch nước ngày 31/05/2013 do đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ khi thành lập, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc;
- Các bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen, giấy khen của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương, Bộ Công an, Tổng Liên đoàn lao động, Liên đoàn lao động tỉnh Bình Dương, Ủy Ban MTTQVN tỉnh Bình Dương, Đảng Ủy khối Doanh Nghiệp, Đoàn khối Doanh Nghiệp tỉnh Bình Dương qua các năm;
- Ngoài ra còn có các bằng khen và cờ thi đua khác của các cấp.

1.4. Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương:

Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty đến thời điểm 31/12/2015 như sau:

- Hội đồng thành viên: 05 thành viên
- Ban Tổng Giám đốc: 05 thành viên
- Ban Kiểm soát: 01 thành viên
- Quy mô của Tổng Công ty: 9 Công ty con, 11 công ty liên doanh, liên kết và 1 đơn vị trực thuộc.

SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC CỦA TỔNG CÔNG TY



Nguồn: Phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1.5. Người lao động

Tổng số lao động có nhu cầu sử dụng khi chuyển sang công ty cổ phần là 126 lao động. Tổng Công ty lập phương án sắp xếp lại lao động khi chuyển sang công ty cổ phần và đã được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt bằng Công văn 5770/UBND-VX ngày 19/12/2017. Cụ thể như sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng
Theo trình độ lao động	126	100%
Trình độ đại học và trên đại học	26	21%
Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp	6	5%
Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông	94	74%
Theo loại hợp đồng lao động	126	100%
Hợp đồng không thời hạn + lao động bổ nhiệm	79	63%
Hợp đồng thời hạn 6 tháng	0	0%
Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	47	37%
Theo giới tính	126	100%
Nam	98	78%
Nữ	28	22%

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương

1.6. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa

Căn cứ Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh Bình Dương về việc công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương, giá trị thực tế tài sản của Tổng Công ty và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Tổng Công ty vào thời điểm ngày 31/12/2015 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp) như sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số liệu số sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4=3-2
A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)	3.147.510.754.381	4.346.392.525.464	1.198.881.771.083
I. TSCĐ và Đầu tư dài hạn (1+2+3+4)	1.858.205.289.599	2.814.789.837.834	956.584.548.235
1. Tài sản cố định	5.844.809.705	16.006.980.137	10.162.170.432
1.1. TSCĐ hữu hình	5.759.163.852	16.006.980.137	10.247.816.285
- Nhà cửa vật kiến trúc	346.036.898	3.779.410.430	3.433.373.532
- Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, truyền dẫn, thiết bị dụng cụ quản lý, ...	5.413.126.954	12.227.569.706	6.814.442.752

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4=3-2
1.2. Tài sản vô hình	85.645.853	-	(85.645.853)
-Giá trị quyền sử dụng đất	85.645.853	-	(85.645.853)
1.3. Chi phí XDCB dở dang	352.132.931	6.116.723.182	5.764.590.251
2. Các khoản phải thu dài hạn	477.905.544.464	477.905.544.464	-
- Phải thu về cho vay dài hạn	169.591.299.652	169.591.299.652	-
- Phải thu dài hạn khác	308.314.244.812	308.314.244.812	-
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.369.823.433.089	2.310.124.904.122	940.301.471.033
- Đầu tư vào công ty con	620.471.414.328	1.232.724.475.253	612.253.060.925
- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	1.056.019.359.889	1.076.895.428.870	20.876.068.981
- Đầu tư tài chính dài hạn khác	505.000.000	505.000.000	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(307.172.341.128)	-	307.172.341.128
4. Tài sản dài hạn khác	4.279.369.410	4.635.685.929	356.316.519
- Chi phí trả trước dài hạn	4.279.369.410	4.635.685.929	356.316.519
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	1.289.305.464.782	1.338.582.682.340	49.277.217.558
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	152.490.332.014	152.490.332.014	-
- Tiền	37.490.332.014	37.490.332.014	-
- Các khoản tương đương tiền	115.000.000.000	115.000.000.000	-
2. Các khoản ĐTTT ngắn hạn	-	-	-
3. Các khoản phải thu	1.112.531.101.414	1.158.073.831.733	45.542.730.319
- Phải thu khách hàng	106.766.410.128	106.766.410.128	-
- Trả trước cho người bán	27.511.093.520	27.511.093.520	-
- Các khoản phải thu khác	380.796.927.065	380.796.927.065	-
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	642.999.401.020	641.999.401.020	-
- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(45.542.730.319)	-	45.542.730.319
4. Hàng tồn kho	23.790.796.829	27.483.607.215	3.692.810.386
- Hàng tồn kho	23.916.655.675	27.483.607.215	3.566.951.540
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(125.858.846)	-	125.858.846
5. Tài sản ngắn hạn khác	493.234.525	534.911.379	41.676.854
- Chi phí trả trước ngắn hạn	170.137.732	211.814.586	41.676.854
+ Chi phí trả trước	170.137.732	211.814.586	41.676.854

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Chi tiêu	Số liệu số sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4=3-2
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	323.096.793	323.096.793	
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	-	193.020.005.291	193.020.005.291
1. Giá trị thương hiệu	-	191.519.795.021	191.519.795.021
2. Giá trị tiềm năng phát triển	-	1.500.210.270	1.500.210.270
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B. TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG	827.385.169.308	827.385.169.308	-
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	827.385.169.308	827.385.169.308	-
1. Tài sản cố định hữu hình	85.053.488.148	85.053.488.148	-
- Nhà cửa vật kiến trúc	11.994.593.500	11.994.593.500	-
- Máy móc thiết bị, PTVT, DCQL	785.114.933	785.114.933	-
2. Công cụ, dụng cụ	-	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	72.273.779.715	72.273.779.715	-
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	111.523.814.526	111.523.814.526	-
5. Chi phí XDCB dở dang	528.536.293.740	528.536.293.740	-
6. Bất động sản đầu tư	102.271.572.894	102.271.572.894	-
C. TÀI SẢN KHÔNG TÍNH VÀO GTDN	-	-	-
D. TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	307.289.116.196	307.289.116.196	-
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	307.289.116.196	307.289.116.196	-
1. Tài sản cố định	784.886.089	784.886.089	-
2. Các khoản tư tài chính dài hạn	56.823.500.000	56.823.500.000	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	241.377.487.534	241.377.487.534	-
4. Bất động sản đầu tư	8.303.242.573	8.303.242.573	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+B+C+D)	4.282.185.039.885	5.481.066.810.968	1.198.881.771.083
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DN (Mục A)	3.147.510.754.381	4.346.392.525.464	1.198.881.771.083
E1. Nợ thực tế phải trả	2.572.458.733.665	2.572.458.733.665	-
1. Nợ phải trả	2.572.458.733.665	2.572.458.733.665	-
2. Nợ không tính vào giá trị doanh nghiệp	-	-	-
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp thực tế	-	-	-
1. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
2. Nguồn kinh phí sự nghiệp không tính vào giá trị doanh nghiệp	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHÂN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A-(E1+E2)]	575.052.020.716	1.773.933.791.799	1.198.881.771.084

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Tóm tắt kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

- Tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015 của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương là:
 - Giá trị số sách: 4.282.185.039.885 đồng
 - Giá trị xác định lại: 5.481.066.810.968 đồng
 - Chênh lệch: 1.198.881.771.083 đồng
- Trong đó, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương tại thời điểm 31/12/2015 để cổ phần hóa là:
 - Giá trị số sách: 575.052.020.716 đồng
 - Giá trị xác định lại: 1.773.933.791.799 đồng
 - Chênh lệch tăng: 1.198.881.771.084 đồng
- Giá trị tài sản loại trừ khi xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015: 0 đồng

1.7. Thực trạng về đất đai đang sử dụng tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp:

Căn cứ Quyết định số 3027/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV, theo đó, Tổng Công ty được tiếp tục sử dụng các khu đất đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định với tổng diện tích là **2.554.492,5 m²**. Cụ thể như sau:

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



TT	Tên khu đất	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Năm bắt đầu thuế	Năm kết thúc hợp đồng thuê đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng	Mục đích sử dụng đất sau phân hóa	Hình thức sử dụng đất sau phân hóa	Ghi chú
1	Sân golf Sông Bé	P. Bình Nhâm, Thuận Giao, TX. Thuận An, Bình Dương	1.040.000	1/9/1992	31/8/2042	Thuế đất, giao nhận nợ góp vốn liên doanh	Sân golf Sông Bé	Sân golf Sông Bé	Đất thuê trả tiền một lần	Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé quản lý, sử dụng
2	Vành đai sân golf	Phường Lái Thiêu, TX. Thuận An, Bình Dương	16.583	n/a	n/a	Thuế đất trả tiền thuê hàng năm	Vành đai Sân golf Sông Bé	Vành đai Sân golf Sông Bé	Thuế đất trả tiền hàng năm	
3	Khu liên hợp DV-ĐT Bình Dương (sân golf Thái Hòa)	Phường Hòa Phú, Thủ Dầu Một, Bình Dương	1.450.101,8	1/6/2006	1/6/2056	Giao đất có thu tiền sử dụng đất	sân golf Thái Hòa	sân golf Thái Hòa	Thuế đất trả tiền một lần	Protrade chuyển nhượng cho CTCP Đầu tư và Phát triển Tân Thành quản lý và sử dụng theo hợp đồng liên doanh.
4	Nhà máy nước đá Dĩ An	Phường Đông Hòa, TX. Dĩ An, Bình Dương	2.154,7	n/a	n/a	Thuế đất trả tiền thuê hàng năm	Nhà máy nước đá Dĩ An	Nhà máy nước đá Dĩ An	Thuế đất trả tiền hàng năm	Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV quản lý, sử dụng
5	Nhà máy giấy Phú	Xã Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, Bình Dương	45.653	n/a	n/a	Thuế đất trả tiền thuê hàng năm	Nhà máy giấy Vĩnh Phú	Nhà máy giấy Vĩnh Phú	Thuế đất trả tiền hàng năm	Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú quản lý, sử dụng

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương

11-1 11-1 11-1 11-1 11-1



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(*) Ghi chú: trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, khu đất tại Khu liên hợp Dịch vụ - Đầu tư Bình Dương (sân gôn Thái Hòa) với diện tích 1.450.101,8 m² đang làm thủ tục để chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành quản lý và sử dụng theo nội dung của hợp đồng liên doanh. Do đó, khu đất này không xác định lại giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị của Tổng Công ty cho cổ phần hóa. Vì vậy, giá trị quyền sử dụng đất của khu đất này được trình bày ở phần B, mục I, khoản 5-Chi phí xây dựng cơ bản dở dang, khi xác định giá trị doanh nghiệp.

Đến thời điểm 31/12/2017, Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương đã hoàn thành việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu liên hợp Dịch vụ - Đầu tư Bình Dương (sân gôn Thái Hòa) với diện tích 1.450.101,8 m² cho Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Thành. Như vậy, đến thời điểm 31/12/2017, Tổng Công ty chỉ còn quản lý và sử dụng 4 khu đất đã được Nhà nước cho thuê đất theo quy định với diện tích là 1.104.309,7 m². Chi tiết như sau:

TT	Tên khu đất	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Năm bắt đầu thuê	Năm kết thúc hợp đồng thuê đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng	Mục đích sử dụng đất sau cổ phần hóa	Hình thức sử dụng đất sau cổ phần hóa	Ghi chú
1	Sân golf Sông Bé	P. Bình Nhâm, Thuận Giao, TX.Thuận An, Bình Dương	1.040.000	1/9/1992	31/8/2042	Thuế đất, giao nhận nợ góp vốn liên doanh	Sân golf Sông Bé	Sân golf Sông Bé	Đất thuê trả tiền một lần	Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé tiếp tục quản lý, sử dụng
2	Vành đai sân golf	Phường Lái Thiêu, TX.Thuận An, Bình Dương	16.583	n/a	n/a	Thuế đất trả tiền	Vành đai Sân golf Sông Bé	Vành đai Sân golf Sông Bé	Thuế đất trả tiền hàng năm	Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV quản lý, sử dụng
3	Nhà máy nước đá Dĩ An	Phường Đông Hòa, TX. Dĩ An, Bình Dương	2.154,7	n/a	n/a	Thuế đất trả tiền thuê hàng năm	Nhà máy nước đá Dĩ An	Nhà máy nước đá Dĩ An	Thuế đất trả tiền hàng năm	Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV quản lý, sử dụng
4	Nhà máy giấy Phú	Xã Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, Bình Dương	45.653	n/a	n/a	Thuế đất trả tiền thuê hàng năm	Nhà máy giấy Vĩnh Phú	Nhà máy giấy Vĩnh Phú	Thuế đất trả tiền hàng năm	Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú quản lý, sử dụng

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1.8. Chủ sở hữu, danh sách các công ty con và công ty liên kết của tổ chức phát hành

1.8.1. Chủ sở hữu của tổ chức phát hành:

- Chủ sở hữu của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương: Tỉnh ủy tỉnh Bình Dương.
- Địa chỉ: Tầng 17, TTHC tỉnh Bình Dương, đường Lê Lợi, P.Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương.
- Điện thoại: 0274 3822705
- Fax: 0274 3822957
- Email: vpinhuy@binhduong.gov.vn

1.8.2. Danh sách các công ty con của tổ chức phát hành tại thời điểm 31/12/2015:

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu theo VBL của Protrade	Vốn thực góp	Tỷ lệ thực góp của Protrade	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	Áp Cây Sắn, xã Lai Uyên, Bến Cát, Bình Dương	20.000.000.000	100%	20.000.000.000	100%	Sản xuất, kinh doanh giấy bao bì và các sản phẩm khác từ giấy....
2	Công ty TNHH Sản Phẩm Sông Bé	77 đại lộ Bình Dương, TX. Thuận An, Bình Dương	259.331.601.540 (tương đương 12.408.210,6 Đô la Mỹ)	100%	259.331.601.540	100%	Kinh doanh dịch vụ Golf, nhà hàng...
3	Công ty CP TM Tổng hợp Thuận An	Châu Văn Tiếp, P. Lái Thiêu, TX. Thuận An, Bình Dương	9.950.000.000	62,68%	9.950.000.000	62,68%	Kinh doanh xăng dầu các loại.
4	KP Apparel Manufacturing Co.,LTD	Campuchia	62.138.549.749	100%	62.138.549.749	100%	Sản xuất kinh doanh hàng may mặc.



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu theo VDL của Protrade	Vốn thực góp	Tỷ lệ thực góp của Protrade	Hoạt động kinh doanh chính
5	Công ty TNHH MTV Cao su Bến Cát	Ấp Rạch Bắp, xã An Tây, Thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	19.800.000.000	100%	19.800.000.000	100%	Trồng và chế biến mủ cao su.
6	Công ty TNHH MTV Chăn Nuôi Vifaco	KP Hòa Long, P.Lái Thiêu, TX Thuận An, tỉnh Bình Dương	11.845.000.000	100%	11.845.000.000	100%	Chăn nuôi.
7	Công ty TNHH MTV DV & CN Thuốc Lá Bình Dương	Đường Lê Hồng Phong, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương	64.123.477.889	100%	64.123.477.889	100%	Sản xuất sản phẩm từ thuốc lá.
8	Công ty TNHH D&M	Bình Thuận, Phan Thiết	6.000.000.000	100%	5.500.000.000	91.67%	Dịch vụ du lịch.
9	Công ty Đầu tư Xây dựng 3/2	Nguyễn Văn Tiết, P.Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương	112.000.000.000	51%	112.000.000.000	51%	Khai thác cát, đá, sỏi...

Người: *Phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương*

Đến thời điểm 31/12/2017, Protrade đã hoàn thành việc thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng 3/2 và chuyển giao toàn bộ phần vốn của Tổng Công ty tại các công ty con bao gồm: Công ty TNHH MTV Cao su Bến Cát, Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Vifaco và Công ty TNHH MTV Dịch vụ - Công nghiệp và Thuốc lá Bình Dương cho Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý dự án Bình Dương theo Quyết định số 235-QĐ/TU ngày 25/8/2016 của Tỉnh Ủy Bình Dương.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Danh sách các công ty con của tổ chức phát hành tại thời điểm 31/12/2017 như sau:

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu theo VDL của Protrade	Vốn thực góp	Tỷ lệ thực góp của Protrade	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	Áp Cây Sắn, xã Lai Uyên, Bến Cát, Bình Dương	20.000.000.000	100%	20.000.000.000	100%	Sản xuất, kinh doanh giấy bao bì và các sản phẩm khác từ giấy....
2	Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé	77 đại lộ Bình Dương, Thuận An, Bình Dương	259.331.601.540 (tương đương 12.408.210,6 Đô la Mỹ)	100%	259.331.601.540 (tương đương 12.408.210,6 Đô la Mỹ)	100%	Kinh doanh dịch vụ Golf, nhà hàng...
3	Công ty CP TM Tổng hợp Thuận An	Châu Văn Tiếp, P. Lái Thiêu, TX. Thuận An, Bình Dương	9.950.000.000	62,68%	9.950.000.000	62,68%	Kinh doanh xăng dầu các loại.
4	KP Apparel Manufacturing Co.,LTD	Vương quốc Campuchia	62.138.549.749	100%	62.138.549.749	100%	Sản xuất kinh doanh hàng may mặc.
5	Công ty TNHH D&M (**)	Phan Thiết, Bình Thuận	6.000.000.000	100%	5.500.000.000	91,67%	Dịch vụ du lịch.
6	Công ty TNHH Ascendas Protrade	An Tây, TX. Bến Cát, Bình Dương	621.240.000.000	100%	621.240.000.000	100%	Kinh doanh đầu tư hạ tầng KCN..

Ghi chú:

(*): Tổng công ty đang làm thủ tục giải thể Công ty TNHH KP Apparel Manufacturing có trụ sở tại Vương quốc Campuchia.

(**): Tổng công ty đang làm thủ tục chuyển nhượng Công ty TNHH D&M có trụ sở tại thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1.8.3. Danh sách các công ty liên kết của tổ chức phát hành tại thời điểm 31/12/2015:

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu theo VDL của Protrade	Vốn thực góp	Tỷ lệ thực góp của Protrade	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty CP Cao Su Dầu Tiếng Việt Lào	Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào	400.000.000.000	40%	400.000.000.000	40%	Trồng và chế biến mù cao su
2	Công ty CP Phát Triển Phú Mỹ	P.Hòa Phú, TP TDM, Bình Dương	55.000.000.000.000	35%	50.677.593.000.000	29,46%	Kinh doanh dịch vụ Golf, nhà hàng..
3	Công ty TNHH Ascendas – Protrade	An Tây, Bến Cát, Bình Dương	621.240.000.000 (tương đương 30.000.000.000.000.000)	30%	621.240.000.000 (tương đương 30.000.000.000.000.000)	30%	Kinh doanh đầu tư hạ tầng KCN..
4	Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam	KP Bình Đức, P.Bình Hòa, Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương	294.906.142.000	30%	294.906.142.000	30%	Kinh doanh, chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa.
5	Công ty CP Bệnh Viện Đa Khoa Quốc Tế Hạnh Phúc	Phường Vĩnh Phú, TX Thuận An, Bình Dương	209.700.000.000	24%	209.700.000.000	24%	Hoạt động lĩnh vực y tế...
6	Công ty Cổ Phần Hưng Vượng	Nguyễn Văn Tiết, P.Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương	150.000.000.000	30,9%	150.000.000.000	30,9%	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, đồ gỗ xây dựng, cửa, xẻ gỗ...
7	Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Tân Phú	P.Hòa Phú, TP TDM, Bình Dương	200.000.000.000	30%	63.500.000.000	2,36%	Kinh doanh BĐS, căn hộ cao cấp...
8	Công ty TNHH YCH – Protrade	KP Đồng An, Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương	162.071.250.000 (tương đương 8.000.000.000.000)	30%	162.071.250.000 (tương đương 8.000.000.000.000)	30%	Kinh doanh vận tải, kho vận...
9	Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Tân Thành	P.Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương	480.000.000.000	30%	277.069.437.660	51,97%	Kinh doanh dịch vụ Golf, nhà hàng...



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu theo VĐL của Protrade	Vốn thực góp	Tỷ lệ thực góp của Protrade	Hoạt động kinh doanh chính
10	Công ty CP Dịch vụ & Công nghiệp Bình Dương	P. Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương	6.000.000.000	49%	4.380.000.000	44%	Dịch vụ tư vấn đầu tư
11	Công ty CP May Mặc Bình Dương	KP Bình Hòa, P. Lái Thiêu, TX Thuận An, Bình Dương	120.000.000.000	48,89%	120.000.000.000	48,89%	Sản xuất, kinh doanh hàng may mặc...

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương

Đến thời điểm 31/12/2017, Protrade đã hoàn thành việc:

- + Nhận chuyển nhượng 70% vốn điều lệ của Công ty TNHH Ascendas – Protrade từ đối tác Ascendas Vietnam Properties Pte Ltd để nâng tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty trong Công ty TNHH Ascendas – Protrade sau khi nhận chuyển nhượng là 100%. Sau khi hoàn thành việc chuyển nhượng vốn góp, Công ty TNHH Ascendas – Protrade đã chuyển đổi loại hình sở hữu và đổi tên thành Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade. Hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade là cho thuê hạ tầng khu công nghiệp.
- + Thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty cổ phần Dịch vụ & Công nghiệp Bình Dương và Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Phú.
- + Tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Bệnh Viện Đa Khoa Quốc Tế Hạnh Phúc (bệnh viện Hạnh Phúc) từ 209,7 tỷ đồng lên thành 1.224,794 tỷ đồng. Trong đó, tỷ lệ vốn góp của Tổng Công ty trong vốn điều lệ mới của bệnh viện Hạnh Phúc tăng lên 69,49%. Tiếp đó, Tổng Công ty đã chuyển nhượng 45,49% vốn góp cho Công ty cổ phần Dịch vụ Sức khỏe Hoàn Mỹ. Sau khi đã hoàn thành việc chuyển nhượng, Tổng Công ty còn sở hữu 24% vốn điều lệ mới tại bệnh viện Hạnh Phúc.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Danh sách các công ty liên doanh, liên kết của tổ chức phát hành tại thời điểm 31/12/2017 như sau:

TT	Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu theo VDL của Protrade	Vốn thực góp	Tỷ lệ thực góp của Protrade	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty CP Cao Su Dầu Tiếng Việt Lào	Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào	500.000.000.000	40%	500.000.000.000	40%	Trồng và chế biến mủ cao su
2	Công ty CP Phát Triển Phú Mỹ	P.Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương	55.000.000 Đô la Mỹ	35%	55.000.000 Đô la Mỹ	35%	Kinh doanh dịch vụ Golf, nhà hàng..
3	Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam	KP Bình Đức, P.Bình Hòa, Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương	294.906.142.000	30%	294.906.142.000	30%	Kinh doanh, chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa.
4	Công ty CP Bệnh Viện Đa Khoa Quốc Tế Hạnh Phúc	Phường Vĩnh Phú, TX Thuận An, Bình Dương	1.224.794.000.000	24%	1.224.794.000.000	24%	Hoạt động lĩnh vực y tế...
5	Công ty Cổ Phần Hưng Vượng	Nguyễn Văn Tiết, P.Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương	150.000.000.000	30,9%	150.000.000.000	30,9%	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, đồ gỗ xây dựng, cửa, xè gỗ...
6	Công ty TNHH YCH - Protrade	KP Đồng An, Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương	162.071.250.000 (tương đương 8.000.000 Đô la Mỹ)	30%	162.071.250.000 (tương đương 8.000.000 Đô la Mỹ)	30%	Kinh doanh vận tải, kho vận...
7	Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Tân Thành	P.Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương	480.000.000.000	30%	277.069.437.660	51,97%	Kinh doanh dịch vụ Golf, nhà hàng...
8	Công ty CP May Mặc Bình Dương	KP Bình Hòa, P.Lái Thiêu, TX Thuận An, Bình Dương	120.000.000.000	48,89%	120.000.000.000	48,89%	Sản xuất, kinh doanh hàng may mặc...



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trước khi cổ phần hóa

2.1. Phân tích doanh thu

Cơ cấu doanh thu của Tổng Công ty như sau:

ĐVT: triệu đồng

Nhóm hàng/ Dịch vụ	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.708	7,7%	29.933	6,2%	672.024	58,6%	568.062	52,2%	29.638	5,8%
Doanh thu hoạt động tài chính	321.874	86,8%	342.244	70,1%	461.852	40,3%	520.233	47,8%	424.765	83,2%
Thu nhập khác	20.357	5,5%	115.743	23,7%	12.260	1,1%	150	0,0%	56.159	11,0%
Tổng cộng	370.939	100%	487.920	100%	1.146.136	100%	1.088.445	100%	510.561	100%

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2013-2017

- Doanh thu thuần năm 2014 so với 2013 không có biến động nhiều, Tổng Công ty hoạt động kinh doanh có hiệu quả, năm sau cao hơn năm trước. Doanh thu năm 2015 tăng 2.245% so với năm 2014, nguyên nhân là do trong năm Tổng Công ty phát sinh doanh thu từ việc nhận tiền đền bù đất theo Hợp đồng liên doanh với Công ty TNHH Ascendas – Protrade, đây là hoạt động không thường xuyên, nên khi đánh giá chỉ tiêu tài chính sẽ không chính xác mà chỉ đánh giá khoản doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên và khoản doanh thu này vẫn tăng ổn định qua các năm.
- Doanh thu hoạt động tài chính: đối với Tổng Công ty thì khoản này là khoản thu lợi nhuận từ hoạt động đầu tư vào công ty con, công ty liên kết. Khoản doanh thu này ổn định qua các năm, tuy nhiên năm 2015 có một sự tăng đột biến là do Tổng Công ty ghi nhận trước khoản phải thu từ lãi liên doanh của Công ty FrieslandCampina Việt Nam theo Nghị quyết Hội đồng thành viên tháng 12/2015, tiền lãi thực nhận thu đầu năm 2016 và một khoản biến động nhẹ là do Tổng Công ty thoái một phần vốn từ khoản đầu tư vào Công ty Đầu tư Xây dựng 3-2 và Công ty cổ phần Trung Thành, Công ty cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk).
- Thu nhập khác: đây là các khoản thu nhập phát sinh từ đánh giá chênh lệch từ đánh giá lại tài sản quyền sử dụng đất góp vốn, và các khoản doanh thu tiền đền bù đất theo Hợp đồng liên doanh, các khoản phát sinh này không thường xuyên nên sẽ tăng giảm theo mỗi năm quyết toán.



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

2.2. Phân tích chi phí sản xuất

Tỷ trọng các loại chi phí của Tổng Công ty so với tổng chi phí qua các năm như sau:

Đvt: triệu đồng

Yếu tố chi phí	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Giá vốn hàng bán	21.626	12,9%	23.216	13,1%	670.901	71,9%	376.300	45,6%	21.269	10,6%
Chi phí tài chính	113.453	67,5%	81.857	46,1%	195.299	20,9%	414.944	50,2%	91.038	45,8%
Chi phí bán hàng	887	0,5%	879	0,5%	957	0,1%	922	0,1%	869	0,4%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	32.093	19,1%	68.948	38,8%	66.126	7,1%	29.540	3,6%	74.206	37,3%
Chi phí khác			2.568	1,5%	1	0,0%	4.323	0,5%	11.392	5,7%
Tổng chi phí	168.059	100%	177.470	100%	933.284	100%	826.029	100%	198.774	100%

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2013-2017

- Giá vốn hàng bán của đơn vị chiếm tỷ trọng thứ 02 trong tổng chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và tương đối ổn định qua các năm, tuy nhiên trong năm 2015 có sự biến động tăng mạnh, đó là phát sinh khoản giá vốn từ chuyển giao đất cho Công ty TNHH Ascendas – Protrade, đây là khoản phát sinh không thường xuyên nhưng vẫn đảm bảo tính hợp lý so với doanh thu. Tỷ lệ Giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần từ năm 2013 đến năm 2015 có xu hướng tăng dần ở mức lần lượt là 75%, 78% và 98%.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm tỷ trọng thứ 03 trong tổng chi phí của Tổng Công ty. Tổng Công ty cũng rất chú trọng trong việc tiết giảm khoản mục chi phí này để tăng lợi nhuận.
- Chi phí tài chính chiếm tỷ trọng cao nhất trong các khoản mục chi phí của Tổng Công ty, do trong các năm vừa qua Tổng Công ty đầu tư nhiều dự án quan trọng như nhận chuyển nhượng Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé để trở thành 100% công ty con, và khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết trong giai đoạn đầu chưa mang lại lợi nhuận nên Tổng Công ty phải trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính làm chi phí tài chính trong giai đoạn này tăng cao.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi cổ phần hóa

3.1. Các chỉ tiêu tài chính và kết quả kinh doanh thể hiện qua các năm

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	Tổng Doanh thu *	370.939	487.920	1.146.136	1.088.445	510.561
	Tốc độ tăng trưởng doanh thu qua các năm	-24%	32%	135%	-5%	-53%
2	Tổng chi phí **	168.059	177.154	933.284	826.029	187.543
3	Lợi nhuận trước thuế	202.880	310.767	212.852	262.416	323.018
4	Lợi nhuận sau thuế	202.575	310.767	212.852	226.017	311.787
	Tỷ lệ lợi nhuận thuần/Tổng doanh thu	55%	64%	19%	21%	61%
5	Tổng tài sản	3.297.474	4.213.902	4.282.185	4.640.355	4.041.773
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	6,15%	7,37%	4,97%	5,66%	7,7%
6	Vốn chủ sở hữu	1.007.552	1.722.369	1.785.434	1.770.610	1.706.558
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	19,32%	22,77%	11,92%	14,82%	18,27%
7	Số lao động (người)	166	176	185	182	196
8	Tổng quỹ lương	20.892	20.398	30.607	32.381	33.839
9	Thu nhập bình quân NLĐ/tháng	9,69	8,68	12,97	13,96	13,9
10	Thu nhập bình quân/Viên chức quản lý/tháng	36	43	43	40	27
11	Các khoản nộp ngân sách	60.362	34.770	125.523	71.962	104.139
	-Thuế GTGT	528	3.419	62.521	17.858	17.884
	- Thuế thu nhập DN	122	380		35.049	63.054
	- Thuế thu nhập cá nhân	1.637	1.540	2.155	344	3.143
	- Thuế tài nguyên	9	34	17	2	47
	- Thuế đất + môn bài	309	142	59.070	67	1.473
	- Khác	57.757	29.255	1.760	18.641	18.538



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
12	Nợ phải trả	2.919.922	2.491.533	2.433.369	2.869.745	2.335.215
	Nợ ngắn hạn	1.377.936	1.164.783	1.843.696	2.250.262	2.083.133
	Trong đó: Nợ quá hạn	-	-	-	-	-
	Nợ dài hạn	1.541.986	1.326.750	589.673	619.483	252.082
	Trong đó: Nợ quá hạn	-	-	-	-	-
13	Nợ phải thu	606.650	613.911	1.590.437	1.825.263	893.036
	Trong đó: Nợ khó đòi	6.600	33.713	45.543	13.815	13.815

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2013-2017

(*) bao gồm Doanh thu thuần, Doanh thu hoạt động tài chính và Doanh thu khác

(**) bao gồm Giá vốn hàng bán, Chi phí bán hàng, Chi phí quản lý doanh nghiệp, Chi phí tài chính và Chi phí khác

3.2. Đánh giá về tình hình hoạt động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trước cổ phần hóa

3.2.1. Đánh giá chung

Nhiều năm qua, Tổng Công ty đã dần xây dựng được định hướng, chiến lược nhằm khẳng định thương hiệu, mở rộng phát triển trên thị trường trong và ngoài nước. Tổng Công ty liên tục đổi mới, mạnh dạn đẩy mạnh phát triển, đổi mới công nghệ, lựa chọn phân khúc thị trường sản phẩm cao cấp, có giá trị cao, ít bị cạnh tranh, ứng dụng thường xuyên các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất, trình độ chuyên môn, năng lực công tác, để Tổng Công ty có đầy đủ điều kiện phát triển ổn định trong những năm qua.

Doanh thu thuần năm 2013 tăng 115% so với cùng kỳ năm trước, Lợi nhuận trước thuế đạt 80% so với năm trước. Năm 2014 doanh thu thuần tăng 104% so với cùng kỳ năm 2013, lợi nhuận trước thuế đạt 113% so với năm trước. Năm 2015 doanh thu thuần tăng 2.245% so với cùng kỳ 2014, lợi nhuận trước thuế đạt 70% so với cùng kỳ năm 2014. Doanh thu thuần tăng là do trong kỳ phát sinh doanh thu từ việc thu tiền đền bù giải phóng mặt bằng từ Công ty TNHH Ascendas – Protrade, Lợi nhuận giảm so với cùng kỳ là do Tổng công ty điều chỉnh một số khoản mục trích lập dự phòng đầu tư tài chính và khoản phải thu, tuy nhiên đối với doanh thu thuần cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm đạt 109%.

3.2.2. Đánh giá về một số nhân tố làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty

Tổng Công ty là một trong ba “trụ cột” trong thành phần kinh tế Nhà nước ở Bình Dương. Đồng thời, là một trong những Tổng Công ty có thương hiệu, uy tín tại Bình Dương nói riêng, các tỉnh miền Đông Nam bộ cũng như trong cả nước nói chung.

Tổng Công ty đã tạo ra nhóm các sản phẩm xuất khẩu có thị trường ổn định, có thương hiệu, được thị trường các nước Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản... chấp nhận, tiêu biểu như: sản phẩm may mặc, sản phẩm gỗ, mũ cao su. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng tập trung phát triển mạnh nhiều mặt hàng phục vụ cho nhu



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

cầu sản xuất và tiêu dùng trong nước, tiêu biểu như: chăn nuôi, cung cấp con giống và thịt thương phẩm; sản xuất giấy, bao bì; sản xuất nước đá.

Các hoạt động dịch vụ của Tổng Công ty đã khẳng định được chỗ đứng trên địa bàn tỉnh Bình Dương nói riêng và các tỉnh miền Đông Nam bộ, thành phố Hồ Chí Minh nói chung, thu hút ngày càng nhiều khách hàng trong nước và nước ngoài, đáp ứng được nhu cầu sử dụng dịch vụ ngày càng tăng của khách hàng, các nhà đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận.

Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng có những chuyển biến nội tại trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh để đạt được kết quả tốt, cụ thể như sau:

- Về chiến lược kinh doanh: Tổng Công ty đã không ngừng đổi mới ngành nghề kinh doanh từ sản xuất dếp xốp, sản xuất quần áo trẻ em xuất khẩu, sản phẩm nước đá, dừa tre xuất khẩu, sản phẩm giấy, chế biến gỗ xuất khẩu cho tới các ngành như dịch vụ du lịch, bất động sản, sân golf. Các đơn vị được áp dụng chiến lược kinh doanh khác nhau: dẫn đầu về chi phí, cá biệt hóa sản phẩm hay tập trung vào phân đoạn khách hàng, khu vực địa lý. Nắm bắt nhanh nhạy nhu cầu thị trường để lựa chọn chiến lược kinh doanh là một trong những thế mạnh của Tổng Công ty.
- Về phương thức sản xuất: Từ nhu cầu thị trường Tổng Công ty đã mạnh dạn đầu tư vào thiết bị dây chuyền hiện đại mang lại chất lượng và năng suất cao, ưu tiên nhập khẩu công nghệ, máy móc hiện đại song hành với đào tạo người lao động. Tổng Công ty có kế hoạch tiếp tục thu hút đầu tư các ngành năng lượng sạch, công nghệ sinh học, từng bước thay đổi hiện đại hóa các doanh nghiệp sản xuất.
- Về cơ cấu sản xuất: Bên cạnh chiến lược sản xuất đa dạng hóa sản phẩm Tổng Công ty còn phát triển kinh doanh thương mại và dịch vụ. Tổng Công ty đã tham gia đầu tư 62,68% vốn vào Công ty Thương mại tổng hợp Thuận An với sản phẩm kinh doanh là xăng dầu; quyết định đầu tư vào Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé, Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh phúc, Công ty TNHH Du lịch D&M...
- Về văn hóa doanh nghiệp: Tổng Công ty là đơn vị dẫn đầu tỉnh trong phong trào: "Xây dựng cơ quan, đơn vị văn hóa, xanh sạch đẹp" và phong trào "Học và làm theo lời Bác", "Thi đua nâng cao kiến thức ngoại ngữ và tin học, nâng cao kiến thức phục vụ cho công tác chuyên môn". Các phong trào này đã mang lại sự gắn kết giữa người lao động trong Tổng Công ty cũng như sự gắn kết giữa người lao động và cam kết làm việc lâu dài với doanh nghiệp.
- Tái cơ cấu tài sản: Tổng Công ty đã không ngừng đổi mới, thành lập nhiều đơn vị trực thuộc, cơ sở sản xuất kinh doanh mới, đóng cửa, giải thể các phân xưởng, công ty không còn phù hợp với thị trường và không có hiệu quả kinh tế. Tổng Công ty cũng tiến hành chia tách, chuyển đổi hình thức các công ty con theo quy định và hướng dẫn của các cơ quan chức năng theo từng thời kỳ.
- Lựa chọn và quản lý danh mục đầu tư: Tổng Công ty tập trung vào các ngành nghề trọng điểm, cùng chuỗi lợi ích đồng thời liên tục đổi mới cơ cấu đầu tư khi cần thiết.
- Tạo lập và phân bổ các nguồn vốn: Bên cạnh nguồn vốn chủ sở hữu, Tổng Công ty đã tăng cường sử dụng vốn vay, vốn của khách hàng. Không những kêu gọi vốn trong nước, Tổng Công ty còn nỗ lực liên doanh liên kết với các tổ chức nước ngoài để tăng cường sức mạnh tài chính cũng như cơ hội tiếp cận với công nghệ và trình độ quản lý hiện đại.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Tổng hợp một số chỉ tiêu tài chính của Tổng Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,31	0,69	0,70	0,60	0,50
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,48	0,69	0,69	0,54	0,42
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)					
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	74%	59%	57%	62%	58%
Hệ số vốn chủ sở hữu/ Tổng tài sản	26%	41%	43%	38%	42%
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu (lần)	2,90	1,45	1,32	1,62	1,37

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2013-2017

3.3. Phân tích vị thế của Tổng Công ty

Hoạt động cốt lõi của Tổng Công ty là đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên kết; do đó vị thế của các đơn vị này sẽ góp phần hình thành nên vị thế của Tổng Công ty so với các công ty khác.

Danh mục đầu tư của Tổng Công ty được phân thành hai nhóm ngành chính như sau:

3.3.1. Nhóm ngành dịch vụ:

3.3.1.1. Dịch vụ sân golf:

Hiện tại, Tổng Công ty đang đầu tư vào ba công ty cung cấp dịch vụ sân golf, bao gồm:

- **Công ty TNHH sân Golf Palm Sông Bé (sở hữu sân golf Sông Bé Golf Resort):** hoạt động từ năm 1994, là sân golf đầu tiên tại Việt Nam đạt tiêu chuẩn cho giải Vô địch quốc tế tại Việt Nam. Sân Golf Sông Bé được xem là một trong những sân khó và lý thú nhất trong khu vực. Trong đó, sân Desert được đánh giá cao, lạ, thử thách và đẹp so với các sân golf tại Việt Nam. Sân golf 27 lỗ được đánh giá là phù hợp với các tiêu chuẩn của Hiệp hội Golf Hoa Kỳ/Singapore.
- **CTCP Phát triển Phú Mỹ (sở hữu sân golf Twin Doves Golf Club):** sân golf Twin Doves Golf Club là sân golf đầu tiên tại miền Nam Việt Nam được thành lập dưới hệ điều hành "Câu lạc bộ dành riêng cho hội viên". Sân golf Twin Doves Golf Club được thiết kế bởi công ty P&Z Development, một công ty uy tín với nhiều công trình xuất sắc đã được hoàn thành tại Việt Nam.
- **CTCP Đầu tư và Phát triển Tân Thành (sở hữu sân golf Harmonie Golf Park):** nằm ở vị trí cách Tp. HCM khoảng 30 km, sân golf Harmonie Golf Park với 18 lỗ được thiết kế bởi Jim Engh - một trong những nhà thiết kế sân golf hàng đầu thế giới. Sân golf Harmonie Golf Park được đánh giá là một trong các sân golf tốt nhất Việt Nam theo IMG Prestige.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



TT	Tên sân gôn	Vị trí	Khoảng cách từ HCM (km)	Diện tích (ha)	Số lỗ gôn	Doanh thu năm 2017 (triệu đồng)	Lợi nhuận/(lỗ) năm 2017 (triệu đồng)	Kế hoạch DT 2018 (triệu đồng)	Số lượng hội viên
1	Golf Palm Sông Bé	P.Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương	25	104	27	126.801	(15.546)	149.800	1.058
2	Twin Doves Golf Club	P. Phú Hòa, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương	32	165	27	146.921	(66.004)	162.000	288
3	Harmonie Golf Park	P. Phú Hòa, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương	32	145	18	Đang trong giai đoạn chạy thử	Đang trong giai đoạn chạy thử	Đang trong giai đoạn chạy thử	750 (dự kiến)
4	Việt Nam Golf & Country Club	P. Long Thạnh Mỹ, Q. 9, Tp. HCM	20	300	36	n/a	n/a	n/a	n/a
5	Long Thanh Golf Resort	xã Phước Tân, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai	30	350	36	n/a	n/a	n/a	Gần 1.000

Nguồn: Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương

3.3.1.2. Dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe

Bệnh viện Quốc tế Hạnh Phúc bắt đầu đón những bệnh nhân đầu tiên từ ngày 03/01/2011, với mong muốn trở thành nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe dành cho phụ nữ và trẻ em hàng đầu ở Việt Nam và trong khu vực. Bệnh viện Quốc tế Hạnh Phúc là bệnh viện đầu tiên theo tiêu chuẩn Singapore tại Việt Nam.

TT	Tên công ty	Vị trí	Diện tích (ha)	Số giường phục vụ	Doanh thu năm 2017 (triệu đồng)	Lợi nhuận năm 2017 (triệu đồng)	Kế hoạch doanh thu năm 2018 (triệu đồng)	Dịch vụ chuyên sâu
1	Bệnh viện Quốc tế Hạnh Phúc	TX. Thuận An, Bình Dương	1,4	260	435.922	1.795	480.000	dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe toàn diện dành cho phụ nữ và trẻ em
2	Bệnh viện quốc tế Becamex	TX. Thuận An, Bình Dương	12,76	1.200	n/a	n/a	n/a	dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đa khoa

Nguồn: Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

3.3.1.3. Dịch vụ logistic

Công ty TNHH YCH-Protrade là một liên doanh giữa YCH Group (Singapore) và Protrade (Việt Nam) có trụ sở chính đặt tại tỉnh Bình Dương. Công ty TNHH YCH-Protrade là một trong các công ty sở hữu hệ thống kho hiện đại nhất Việt Nam có vị trí chiến lược nằm phía sau KCN Sóng Thần và KCN Việt Nam Singapore và chỉ cách sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất 17 km. Sở hữu hệ thống kho với công nghệ cao và thân thiện với môi trường, Công ty TNHH YCH-Protrade là công ty đầu tiên nhận được chứng nhận LEED (chứng nhận bởi Hội đồng công trình xanh Hoa Kỳ) tại Việt Nam.

TT	Tên công ty	Vị trí	Diện tích kho sở hữu (m ²)	Quy mô quản lý kho (m ²)	Doanh thu 2017 (triệu đồng)	Lợi nhuận 2017 (triệu đồng)	Kế hoạch DT 2018 (triệu đồng)
1	YCH Protrade	nằm gần KCN Sóng Thần, KCN VSIP và cách sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất 17 km.	69.000	100.000	600.923	16.464	845.600

Nguồn: Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương

3.3.1.4. Dịch vụ cho thuê hạ tầng khu công nghiệp

Khu công nghiệp Quốc tế Protrade nằm trong khu đô thị tổng hợp của Khu phức hợp Công nghiệp và Dịch vụ An Tây. Ngoài đất nền với nhiều diện tích tùy chọn, Công ty còn cung cấp nhà xưởng xây sẵn hoặc xây theo yêu cầu.

TT	Tên công ty	Khoảng cách từ KCN tới Tp. HCM (km)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ lấp đầy	Khách hàng	Doanh thu 2017 (triệu đồng)	Lợi nhuận 2017 (triệu đồng)	Kế hoạch doanh thu 2018 (triệu đồng)	Tiện ích
1	KCN Quốc tế Protrade	40	500	75%	Nhật, Đài Loan, Việt Nam.	240.077	52.203	1.138.319	Khu dân cư, khu công nghiệp
2	KCN VSIP II mở rộng	35	1.000	80%	Đài Loan, Trung Quốc, Việt Nam	n/a	n/a	n/a	khu dân cư, khu logistic và khu công nghiệp
3	KCN Nam Tân Uyên mở rộng	60	289	100% (2018 mở rộng thêm khoảng 320 ha)	Đài Loan, Trung Quốc, Việt Nam	146.113	142.481	610.500	khu công nghiệp

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



TT	Tên công ty	Khoảng cách từ KCN tới Tp. HCM (km)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ lấp đầy	Khách hàng	Doanh thu 2017 (triệu đồng)	Lợi nhuận 2017 (triệu đồng)	Kế hoạch doanh thu 2018 (triệu đồng)	Tiện ích
4	KCN Sóng Thần 3	35	530	70%	Đài Loan, Trung Quốc, Việt Nam	n/a	n/a	n/a	Khu công nghiệp
5	KCN Đất Cuốc	50	553	Khu A: 80%; Khu B: đang triển khai	Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Malaysia, Vietnam	n/a	n/a	n/a	Khu thương mại-dịch vụ, khu dân cư, khu công nghiệp

Nguồn: Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương

3.3.2. Nhóm ngành sản xuất

3.3.2.1. Ngành chế biến gỗ

Công ty cổ phần Hưng Vượng chuyên sản xuất đồ gỗ nội thất xuất khẩu 100% sang thị trường Nhật Bản. Ngoài ra, Công ty đang đầu tư vào một số lĩnh vực: chăm sóc sức khỏe, dịch vụ sân golf, trồng cây cao su và đầu tư tài chính.

TT	Tên công ty	Diện tích nhà máy	Quy mô sản xuất	Sản phẩm	Vốn điều lệ 31/12/2017 (triệu đồng)	Doanh thu 2017 (triệu đồng)	Lợi nhuận 2017 (triệu đồng)	Kế hoạch doanh thu 2018 (triệu đồng)
1	CTCP Hưng Vượng	58.000 m ²	3.000 container 40ft/năm	Tủ tivi, tủ bếp, bàn, ghế	150.000	509.342	15.213	558.000
2	CTCP Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành	8 nhà máy với tổng diện tích khoảng 400.000 m ² .	5.500 container 40ft/năm	Nội thất, Ngoại thất, Ván sàn và Particle Board	2.146.078	1.363.399	10.737	1.517.521
3	CTCP Chế biến Gỗ Đức Thành	2 nhà máy với tổng diện tích khoảng 38.000 m ²	10.000 m ³ gỗ thành phẩm hàng năm	Nhà bếp, gia dụng, bàn ghế, đồ chơi trẻ em	149.095	362.245	101.294	410.072

Nguồn: Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

3.3.2.2. Ngành may mặc

CTCP May mặc Bình Dương chuyên sản xuất áo sơ mi, quần jean, quần âu xuất khẩu với tổng công suất hơn 10 triệu đơn vị mỗi năm, giữ vị trí hàng đầu trong ngành dệt may xuất khẩu trong nước và có vị trí cạnh tranh trong khu vực.

TT	Tên công ty	Năng lực sản xuất	Sản lượng hàng năm (triệu chiếc)	Loại sản phẩm	Số lượng lao động (người)	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Doanh thu 2017 (triệu đồng)	Lợi nhuận 2017 (triệu đồng)	Kế hoạch doanh thu 2018 (triệu đồng)
1	CTCP May mặc Bình Dương	4 nhà máy với 17 dây chuyền may.	10	Quần jean, áo sơ mi	2.500	120.000	1.409.682	75.462	1.400.000
2	CTCP May Sài Gòn 3	6 nhà máy với 38 dây chuyền may	10	Quần Jean, Kaki và quần thể thao	2.800	230.000	1.963.000 (kế hoạch)	67.000 (kế hoạch)	n/a

Nguồn: Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương

3.3.2.3. Ngành sản xuất và chế biến sữa

FrieslandCampina Việt Nam là công ty liên doanh được thành lập từ năm 1995 tại Việt Nam giữa Protrade và Royal FrieslandCampina – tập đoàn sữa hàng đầu tại Hà Lan với 140 năm kinh nghiệm hoạt động trên toàn thế giới.

TT	Tên công ty	Quy mô đàn bò sữa 2017	Sản lượng thu mua (tấn sữa/ngày)	Sản phẩm	Nguồn vốn 31/12/2017 (triệu đồng)	Doanh thu 2017 (triệu đồng)	Lợi nhuận 2017 (triệu đồng)	Kế hoạch DT 2018 (triệu đồng)
1	Friesland Campina Việt Nam	n/a	170	Sữa nước, sữa chua, sữa bột, sữa đặc	295.000	chưa công bố	chưa công bố	10.122.000
2	Vinamilk	140.000	750	Sữa nước, sữa chua, sữa bột, sữa đặc, nước giải khát, kem ăn, phô mai, sữa đậu nành	14.514.000	51.041.076	10.295.665	55.500.000
3	Tập đoàn TH	45.000	n/a	Thức uống thảo dược, phomat, bơ, sữa tươi, sữa chua.	n/a	n/a	n/a	n/a

Nguồn: Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



3.3.2.4. Ngành sản xuất giấy

Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú được thành lập từ năm 1979 với thế mạnh là sản xuất bột giấy từ nguồn nguyên liệu tại chỗ là tre nứa, lồ ô. Đến năm 1985 công ty chuyển sang sản xuất giấy bao bì phục vụ công nghiệp cho đến nay.

TT	Tên công ty	Sản lượng hàng năm (tấn)	Sản phẩm	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Doanh thu năm 2017 (triệu đồng)	Lợi nhuận năm 2017 (triệu đồng)	Doanh thu kế hoạch 2018 (triệu đồng)
1	Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	23.000	Giấy carton ruột	20.000	215.596	16.087	212.750

Nguồn: Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

PHẦN V: THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Giới thiệu về doanh nghiệp sau cổ phần hóa

1.1. Thông tin chung về doanh nghiệp sau cổ phần hóa

- Tên tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG - CÔNG TY CỔ PHẦN
- Tên tiếng Anh: BINH DUONG PRODUCING AND TRADING GOODS CORPORATION
- Tên viết tắt: PROTRADE
- Trụ sở khi CPH: A128, đường 3-2, P. Lái Thiêu, TX. Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- Điện thoại: 0274 3755243 Fax: 0274 3755040
- Website: www.Protrade.com.vn
- Logo:



1.2. Hình thức pháp lý

Sau khi cổ phần hóa, Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương sẽ hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014.

1.3. Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau cổ phần hóa

Tổng Công ty sẽ giữ nguyên ngành nghề kinh doanh như trước đây và các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của Pháp luật hiện hành.

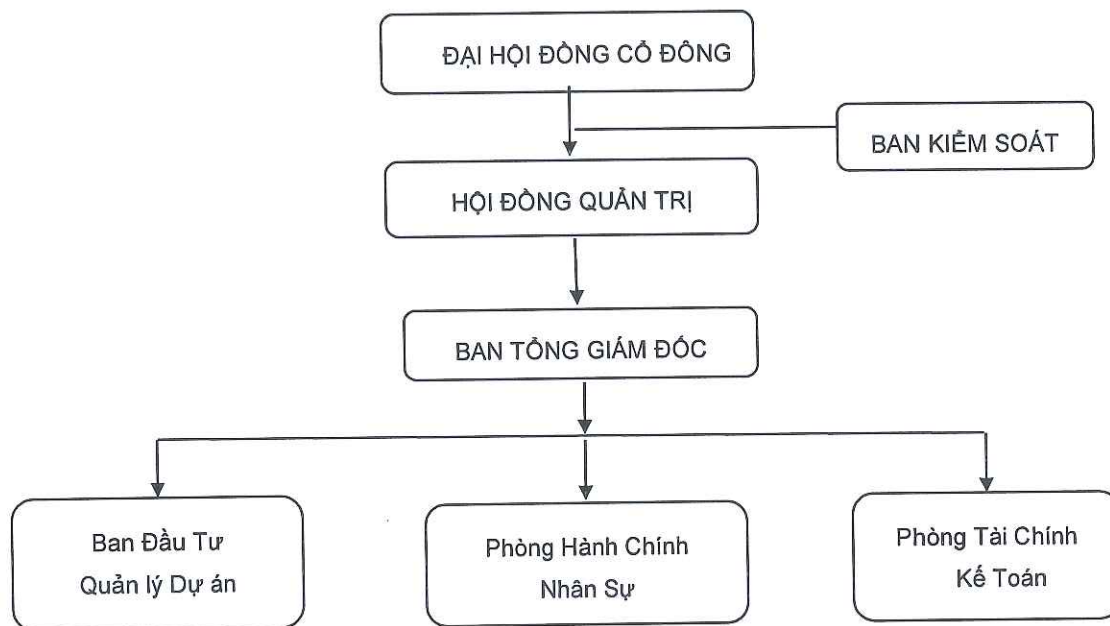
1.4. Cơ cấu tổ chức điều hành doanh nghiệp

Bộ máy điều hành: Nguyên tắc tổ chức cơ cấu bộ máy điều hành là gọn, nhẹ, chất lượng và hiệu quả đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ điều hành sản xuất kinh doanh trong toàn doanh nghiệp.

- Ban Tổng Giám đốc: 2 người
- Phòng Tài chính – Kế toán: 6 người
- Phòng Nhân sự và Quản trị: 7 người
- Phòng Đầu tư và Quản lý dự án: 7 người
- Bộ phận hỗ trợ: 61 người
- Xí nghiệp cơ điện lạnh: 42 người

Sơ đồ tổ chức của Tổng Công ty sau cổ phần hóa như sau:

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Nguồn: Phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương

2. Các dự án đầu tư sau cổ phần hóa

Sau khi cổ phần hóa và tiếp nhận các nguồn lực mới từ các nhà đầu tư chiến lược cũng như các nhà đầu tư bên ngoài, Tổng Công ty tiếp tục kiện toàn nguồn nhân lực nội tại cũng như tranh thủ nguồn lực từ bên ngoài để có thể đầu tư cho các dự án đã được định hướng là trọng tâm cho giai đoạn 5 năm tiếp theo. Các dự án đầu tư cụ thể của Tổng Công ty và các công ty con/ công ty liên kết sau cổ phần hóa như sau:

1. CÔNG TY TNHH MTV QUỐC TẾ PROTRADE

Tiếp tục thực hiện dự án mở rộng khu công nghiệp thêm 600 ha, nâng tổng diện tích toàn khu công nghiệp lên 1.100 ha và dự án khu thương mại dịch vụ nằm trong dự án Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ An Tây.

2. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GIẤY VĨNH PHÚ

Đầu tư dây chuyền máy móc thiết bị mới được nhập chủ yếu từ Châu Âu và Đài Loan.

3. CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, nâng cao tay nghề công nhân nhằm mở rộng thị trường sang Nhật Bản, các nước Châu Âu.

4. CÔNG TY TNHH YCH – PROTRADE

Tiếp tục đầu tư giai đoạn 2 với diện tích 2,9 ha kho hỗn hợp, bao gồm kho lạnh và kho thông thường (Nhà kho hiện hữu đã cho thuê và vận hành trên 70% giai đoạn 1 với diện tích khoảng 4 ha). Đầu tư thêm phương tiện vận tải để vận chuyển các sản phẩm và nguyên liệu cho khách hàng.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



3. Kế hoạch kinh doanh hợp nhất sau cổ phần hóa:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Doanh thu	1.262.000	1.323.000	1.139.000 *
	Tốc độ tăng trưởng doanh thu		5%	-14%
2	Lợi nhuận sau thuế	164.800	173.800	183.300
	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	13%	13%	16%
	Trích các quỹ	41.200	43.450	45.825
	-Quỹ đầu tư phát triển (15%)	24.720	26.070	27.495
	-Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%)	16.480	17.380	18.330
	Lợi nhuận chia cổ tức	123.600	130.350	137.475
	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	4,12%	4,35%	4,58%
3	Vốn điều lệ	3.000.000	3.000.000	3.000.000
	Tỷ suất lợi nhuận / Vốn điều lệ	5,49%	5,79%	6,11%
4	Số lao động (người)	126	126	126

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương

(*) Ghi chú: doanh thu hợp nhất năm 2020 giảm 14% so với năm trước với nguyên nhân chủ yếu là sụt giảm doanh thu cho thuê đất của Khu công nghiệp quốc tế Protrade vì đã cho thuê hết diện tích đất theo kế hoạch kinh doanh.

Các giải pháp thực hiện:

Nhằm đạt được kế hoạch kinh doanh sau cổ phần hóa, Tổng Công ty tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại các công ty con, công ty liên doanh/ liên kết, cụ thể như sau:

➤ Đối với các công ty con:

▪ CÔNG TY TNHH MTV QUỐC TẾ PROTRADE

- ✓ Tiếp tục tổ chức các đợt xúc tiến đầu tư ở các quốc gia như Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Châu Âu... để kêu gọi các doanh nghiệp đầu ngành có các tiêu chí xanh-sạch, phù hợp với định hướng của Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade đầu tư vào khu công nghiệp.
- ✓ Tăng cường đầu tư các khu đất dịch vụ và thương mại, tiện ích: như nhà xưởng xây sẵn, nhà xưởng theo yêu cầu, văn phòng cho thuê, khu thương mại và nhà ở công nhân.
- ✓ Đầu tư dịch vụ logistic để hỗ trợ tối đa tiện ích cho nhà đầu tư trong khu công nghiệp nhằm nâng cao giá trị dịch vụ và thương hiệu của chủ đầu tư.



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GIẤY VĨNH PHÚ**
 - ✓ Mở rộng thị trường, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa chủng loại sản phẩm.
 - ✓ Đầu tư dây chuyền máy móc thiết bị mới được nhập khẩu chủ yếu từ Châu Âu và Đài Loan.
- **CÔNG TY TNHH SÂN GOLF PALM SÔNG BÉ:**
 - ✓ Cải tạo và nâng cấp sân golf Palm Sông Bé nhằm thu hút các golf thủ tiềm năng trải nghiệm dịch vụ golf đẳng cấp, độc đáo và các dịch vụ khác đi kèm.
 - ✓ Đưa sân golf Harmonies Golf Park đi vào hoạt động trong tương lai gần nhằm đa dạng hóa lựa chọn cho người chơi golf.
 - ✓ Triển khai nghiên cứu tính khả thi của các dự án bất động sản trong sân golf như khách sạn tiêu chuẩn từ 4-5 sao, khu nhà ở cao cấp, khu căn hộ cao tầng, khu dân cư thương mại phức hợp và trung tâm hội nghị, triển lãm đẳng cấp quốc tế.
- **Đối với các công ty liên doanh, liên kết:**
 - **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**
 - ✓ Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, nâng cao tay nghề công nhân nhằm mở rộng thị trường sang Nhật Bản, các nước Châu Âu,... và nhằm đón đầu Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).
 - **CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ HẠNH PHÚC**
 - ✓ Nâng cao chất lượng chăm sóc, các dịch vụ y tế, đầu tư thêm máy móc thiết bị chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng
 - ✓ Trở thành Bệnh viện hàng đầu tại Việt Nam và Châu Á trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe toàn diện dành cho phụ nữ và trẻ em thông qua sự hợp tác với Công ty cổ phần Dịch vụ Sức khỏe Hoàn Mỹ.
 - **CÔNG TY TNHH YCH – PROTRADE**
 - ✓ Tiếp tục đầu tư giai đoạn 2 với diện tích 2,9 ha kho hỗn hợp, bao gồm kho lạnh và kho thông thường (Nhà kho hiện hữu đã cho thuê và vận hành trên 70% giai đoạn 1 với diện tích khoảng 4 ha) nhằm tiếp nhận quản lý, vận hành kho cho một số khách hàng như: TH milk, Pernod Ricard, Pepsi, General Motor.... Đầu tư thêm phương tiện vận tải để vận chuyển các sản phẩm và nguyên liệu cho khách hàng.
 - **CÔNG TY TNHH FRIESLAND CAMPINA VIỆT NAM**
 - ✓ Nghiên cứu đưa ra các sản phẩm mới, với hàm lượng dinh dưỡng cao, đáp ứng thị hiếu của thị trường Việt Nam. Tập trung mở rộng sản xuất, mở rộng thị phần.
 - **CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG VƯỢNG**
 - ✓ Ngoài lĩnh vực chính là sản xuất đồ gỗ nội thất xuất khẩu 100% sang thị trường Nhật Bản, Công ty cổ phần Hưng Vượng đang hướng đến chinh phục thị trường trong nước, Mỹ và



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Châu Âu. Do đó, Công ty tiếp tục đầu tư máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn và yêu cầu ngày càng cao của thị trường Nhật Bản, Mỹ và Châu Âu, chú trọng đầu tư nhân lực chất lượng cao, đưa ra các thiết kế đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng, nâng cao chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, Công ty cổ phần Hưng Vương định hướng phát triển công ty đa ngành nghề có sự hỗ trợ cho nhau, tạo thành chuỗi giá trị khép kín nhằm nâng cao giá trị cho cổ đông của Công ty.

4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

4.1. Vốn điều lệ

Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương tại thời điểm 31/12/2015 để cổ phần hóa là 1.773.933.791.799 đồng. Tuy nhiên, từ thời điểm 31/12/2015 đến năm 2017, lợi nhuận sau thuế còn tồn tại Tổng Công ty chưa được giải quyết. Do đó, Thường trực Tỉnh ủy đồng ý tăng vốn cho Tổng công ty lên mức 3.000 tỷ đồng từ lợi nhuận sau thuế khi xác định vốn điều lệ để cổ phần căn cứ theo Thông báo số 376-TB/TU ngày 4/12/2017 của Văn phòng Tỉnh ủy Bình Dương.

Vốn điều lệ: 3.000.000.000.000 đồng (Ba ngàn tỷ đồng), tương ứng 300.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

4.2. Cơ cấu vốn điều lệ

Căn cứ Quyết định số 3332/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND tỉnh Bình Dương về việc cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương, Quyết định số 3706/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương và Quyết định 1147/QĐ-UBND ngày 7/5/2018 của UBND về việc phê duyệt bán cổ phần lần 2 và điều chỉnh phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương thì cơ cấu vốn điều lệ cụ thể như sau:

TT	Cổ đông	Số lượng (cổ phần)	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	150.000.000	1.500.000.000.000	50,00
2	CBCNV mua ưu đãi	272.600	2.726.000.000	0,09
2.1	<i>Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước</i>	110.700	1.107.000.000	0,04
2.2	<i>Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần</i>	161.900	1.619.000.000	0,05
3	Nhà đầu tư chiến lược	87.000.000	870.000.000.000	29,00
4	Nhà đầu tư khác	62.727.400	627.274.000.000	20,91
Tổng cộng		300.000.000	3.000.000.000.000	100,00

Nguồn: Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

4.3. Loại cổ phần

Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông theo Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017.

Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

PHẦN VI: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Phương thức chào bán cổ phần

Theo phương án cổ phần hóa được duyệt, đối tượng chào bán và phương thức chào bán cổ phần như sau:

TT	Đối tượng chào bán	Giá bán	Số lượng chào bán (cổ phần)	Tỷ lệ % vốn điều lệ
1	CBCNV mua ưu đãi		272.800	0,09
1.1	Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước	Bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất của đợt đấu giá lần 1 (*)	110.700	0,04
1.2	Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần	Bằng giá đấu thành công thấp nhất của đợt đấu giá lần 1 (*)	161.900	0,05
2	Nhà đầu tư chiến lược	Bằng giá đấu thành công thấp nhất của đợt đấu giá lần 1 (*)	87.000.000	29,00
3	Nhà đầu tư tham gia đấu giá lần 1	Giá khởi điểm đấu giá là 12.000 đồng/cổ phần	29.800.000	9,93
4	Nhà đầu tư tham gia đấu giá lần 2	Giá khởi điểm đấu giá là 18.000 đồng/cổ phần	32.927.400	10,98
Tổng cộng			150.000.000	50,00

Nguồn: Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương

(*): căn cứ vào Công văn 459/TB-SGDHCM ngày 28/3/2018 của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh về việc thông báo kết quả đấu giá, giá đấu thành công thấp nhất của đợt đấu giá lần 1 là: 16.600 đồng/cổ phần.

1.1. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược:

Căn cứ theo Biên bản thỏa thuận về việc tham gia mua cổ phần chiến lược, số lượng cổ phần được phân phối cho từng nhà đầu tư chiến lược như sau:

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



T	Tên Công ty	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % vốn điều lệ
1	Công ty Cổ phần SAM Holdings	Số 152/11B Điện Biên Phủ, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP HCM	24.000.000	8%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư U&I	Số 9 Ngô Gia Tự, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương	18.000.000	6%
3	Công ty TNHH Phát Triển	Số 123 Bùi Văn Bình, P. Phú Lợi, Tp Thủ Dầu Một, Bình Dương	45.000.000	15%
Tổng cộng			87.000.000	29%

1.2. Đối với nhà đầu tư tham dự đấu giá lần 2:

Tổng Công ty đã tổ chức bán đấu giá công khai lần 1 tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM với thông tin cụ thể như sau:

- Số lượng cổ phần chào bán: 30.000.000 cổ phần, tương ứng 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng), chiếm 10% vốn điều lệ.
- Thời gian đấu giá: ngày 28/3/2018
- Tổng số lượng cổ phần đăng ký mua: 89.773.600 cổ phần
- Số lượng nhà đầu tư đăng ký:
 - Trong nước: 262 cá nhân, 7 tổ chức
 - Nước ngoài: 5 cá nhân
- Tổng số lượng cổ phần trúng đấu giá: 30.000.000 cổ phần
- Số lượng nhà đầu tư trúng đấu giá:
 - Trong nước: 63 cá nhân, 4 tổ chức
 - Nước ngoài: 0.
- Giá khởi điểm: 12.000 đồng/ cổ phần
- Giá đấu thành công thấp nhất: 16.600 đồng/ cổ phần
- Giá đấu thành công cao nhất: 21.600 đồng/ cổ phần
- Giá đấu thành công bình quân: 17.474 đồng/ cổ phần

Căn cứ theo Quyết định 1147/QĐ-UBND ngày 07/05/2018 của UBND tỉnh Bình Dương, Tổng Công ty sẽ tiếp tục chào bán lần 2 ra công chúng thông qua hình thức đấu giá tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM với các thông tin như sau:

- Số lượng cổ phần chào bán: 32.927.400 cổ phần, tương ứng 329.274.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng) theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, chiếm 10,98% vốn điều lệ.



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Thời gian đấu giá: ngày 05.10.2018.
- Tổ chức thực hiện bán đấu giá công khai tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.
- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.
- Giá khởi điểm: 18.000 đồng/cổ phần

2. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá

2.1. Kế hoạch quản lý, sử dụng tiền thu từ đợt bán cổ phần

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa được thực hiện theo Điều 39 Nghị định 126 và Mục III Thông tư 196/2011/TT-BTC.

Số tiền thu từ bán một phần vốn Nhà nước sau khi trừ đi chi phí cổ phần hóa được nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Chi tiết chi phí cổ phần hóa doanh nghiệp như sau:

STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	CHI PHÍ (Đồng)
A.	Các khoản chi phí trực tiếp tại doanh nghiệp	1.200.000.000
1	Chi phí cho việc tập huấn nghiệp vụ về cổ phần hóa doanh nghiệp	-
2	Chi phí kiểm kê, đánh giá xác định giá trị tài sản	-
3	Chi phí Đại hội CNVC-LĐ để triển khai cổ phần hóa	-
4	Chi phí hoạt động tuyên truyền, công bố thông tin cổ phần hóa	-
5	Chi phí Đại hội cổ đông lần đầu	500.000.000
6	Chi phí tổ chức bán đấu giá lần 1*	300.000.000
7	Chi phí tổ chức bán đấu giá lần 2*	300.000.000
7	Chi phí đăng báo lần 1	50.000.000
7	Chi phí đăng báo lần 2	50.000.000
B.	Chi phí thuê tư vấn xác định GTDN và thuê tư vấn bán cổ phần	2.127.000.000
1	Chi phí thuê tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp	950.000.000
2	Chi phí thuê tư vấn lập Phương án cổ phần hóa và bán đấu giá	1.100.000.000
3	Chi phí thuê tư vấn cho việc bán đấu giá lần 2	77.000.000
C.	Chi phí hoạt động và thù lao Ban chỉ đạo cổ phần hoá và Tổ giúp việc	1.094.000.000
1	Thù lao Ban chỉ đạo	702.500.000
2	Thù lao Tổ giúp việc	391.500.000
	TỔNG CỘNG	4.421.000.000

Nguồn: Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(*) Chi phí tổ chức bán đấu giá phải trả cho Sở giao dịch chứng khoán được xác định bằng 0,3% trên tổng giá trị cổ phần chào bán thành công nhưng tối thiểu là 20.000.000 đồng/1 cuộc đấu giá và không vượt quá 300.000.000 đồng/1 cuộc đấu giá theo quy định tại Thông tư số 09/2014/TT-BTC ngày 16/1/2014 quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bán đấu giá.

3. Phân tích rủi ro dự kiến

3.1. Rủi ro về kinh tế

Nền kinh tế trong nước và thế giới chịu sự tác động của rất nhiều yếu tố dẫn đến sự không ổn định trong thời gian vừa qua. Điều này đã tác động không nhỏ tới tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Tổng Công ty nói riêng.

Tuy nhiên, với các tín hiệu phục hồi nền kinh tế Việt Nam như tăng trưởng GDP tăng đều hằng năm, năm 2014 đạt 5,98%, năm 2015 đạt 6,68%, năm 2016 đạt 6,21% và năm 2017 đạt 6,81%. Tỷ lệ lạm phát được kiểm soát tốt ở mức 4,74% năm 2016 và dưới 4% năm 2017. Chính điều này sẽ góp phần tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong thời gian tới.

3.2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro luật pháp là rủi ro phát sinh do việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Hiện nay hệ thống pháp luật của nước ta chưa ổn định và nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn nhiều sửa đổi bổ sung dẫn đến có nhiều sự thay đổi và có thể phát sinh bất cập, ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Do vậy, để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Tổng Công ty luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của mình, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Tổng Công ty.

3.3. Rủi ro đặc thù

Phần hoạt động cốt lõi của Tổng Công ty là đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết. Do đó những rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của các công ty này cũng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổng Công ty.

Kết quả của việc đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết là cổ tức hoặc lợi nhuận được phân chia và thậm chí là các khoản lỗ từ các công ty trên. Cổ tức và Lợi nhuận được chia hay các khoản lỗ phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh cũng như triển vọng phát triển của các công ty mà Tổng Công ty đang đầu tư. Tổng Công ty với tư cách là công ty mẹ và cổ đông lớn sẽ tối ưu hóa các nguồn lực và khả năng của mình nhằm hỗ trợ, định hướng hoạt động kinh doanh của các công ty con và công ty liên kết. Qua đó giúp cho kết quả hoạt động kinh doanh tại các công ty này tốt hơn và từ đó mang lại lợi ích cho Tổng Công ty.



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

3.4. Rủi ro đợt chào bán

Đợt chào bán lần đầu ra công chúng của Tổng Công ty có rủi ro là không bán hết lượng cổ phần chào bán. Việc chào bán thành công phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố như: diễn biến thị trường chứng khoán Việt Nam tại thời điểm chào bán, tâm lý nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn của cổ phiếu Tổng Công ty. Do đó, có thể có rủi ro là không bán hết lượng cổ phần chào bán.

3.5. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, hoạt động của Tổng Công ty có thể chịu ảnh hưởng của thiên tai như động đất, dịch bệnh, lũ lụt... mà khi xảy ra có thể gây thiệt hại tài sản của Tổng Công ty cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của Tổng Công ty.

PHẦN VII: KẾT LUẬN

Bản công bố thông tin được cung cấp cho nhà đầu tư nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá tài sản, nguồn vốn, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Tổng Công ty trước khi đăng ký mua cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở Phương án cổ phần hóa đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt và các thông tin, số liệu do Tổng Công ty cung cấp theo quy định, đảm bảo tính công khai, minh bạch và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư. Việc đánh giá, lựa chọn thông tin và ngôn từ trong Bản công bố thông tin này được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng.

Chúng tôi cũng không thực hiện phân tích, đưa ra bất kỳ ý kiến đánh giá nào với hàm ý đảm bảo giá trị cổ phiếu. Nhà đầu tư khi đầu tư phải tự đưa ra ý kiến và tự chịu trách nhiệm về các quyết định của mình. Do đó, nhà đầu tư trước khi tham gia đấu giá cần tìm hiểu thêm thông tin về doanh nghiệp, cũng như việc tham gia phải bảo đảm rằng việc đăng ký mua hay thực hiện giao dịch được/sẽ thanh toán bằng nguồn tiền hợp pháp, đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

PHẦN VIII: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa

- Ông Trần Thanh Liêm Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương - Trưởng ban
- Ông Trần Nguyên Vũ Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Sản xuất – Xuất Nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV - Phó ban thường trực
- Ông Ngô Dũng Phương Trưởng phòng Tài chính Đảng Văn phòng Thành ủy – Thành viên
- Bà Nguyễn Kim Liên Chi cục trưởng Chi cục Tài chính doanh nghiệp – Thành viên
- Ông Phạm Văn Tuyên Phó Giám Đốc Sở Lao động Thương binh Xã hội – Thành viên
- Ông Huỳnh Thanh Hải Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Sản xuất – Xuất Nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV – Thành viên
- Ông Phạm Xuân Ngọc Phó Giám Đốc Sở Tài nguyên Môi trường – Thành viên

2. Đại diện tổ chức thực hiện đấu giá

- Ông Trần Nguyên Vũ Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV

3. Đại diện tổ chức tư vấn cổ phần hóa

- Ông Tô Hải Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt

Bình Dương, ngày 30 tháng 8 năm 2018

THAY MẶT TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO
PHÓ BAN THƯỜNG TRỰC



TRẦN NGUYỄN VŨ

TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT – XUẤT NHẬP
KHẨU BÌNH DƯƠNG TNHH MTV

CHỦ TỊCH KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN NGUYỄN VŨ